

Theravāda
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LUẬT NGHI SA-DI
Sāmaṇera Vinaya

TỶ KHUÛ GIÁC GIỚI
phụng soạn

DL 1997- PL 2541

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

MỤC LỤC

[01] Chương I. Phân giới thiệu

- I.1. Nội dung giới luật
- I.2. Mục đích của giới luật
- I.3. Giới luật Sa-di

Chương II. Luật học tập

- II.1. Các Điều học
- II.2. Ứng học pháp
- II.3. Các pháp hành

[02] Chương III. Luật hành phạt

- III.1. Điều luật phạm tội hành phạt
- III.2. Việc hành phạt Sa-di sai phạm

Chương IV. Luật trục xuất

- IV.1. Điều luật phạm tội trục xuất
- IV.2. Việc xử trục xuất Sa-di sai phạm

Chương V. Luật sinh hoạt

- V.1. Phép quán tưởng vật dụng
- V.2. Phép quán tưởng nhật hành
- V.3. Phép sử dụng y và bát
- V.4. Phép nhập hạ
- V.5. Ngày trai giới

Chương VI. Nghi thức xuất gia Sa-di

-ooOoo-

LỜI NÓI ĐẦU

Sa-di (Sāmaṇera) là các vị xuất gia đang tập sự để tu tiến phạm hạnh Tỳ-Khuru (bhikkhu).

Nếu hàng Sa-di có phẩm hạnh tốt, tinh tấn và thanh tịnh, thì sẽ trở thành những vị Tỳ-Khuru khả kính sau này. Một vị Sa-di thanh tịnh vẫn có thể chứng đạt quả vị cao cả và trở thành bậc khả kính đáng lễ bái cúng dường. Vào thời Đức Thế Tôn hiện tiền đã có nhiều Vị Sa-di là bậc Thánh Vô Lậu như Sa-di Sukha, Sa-di Sumana, Sa-di Dabbamallaputta...

Mặc dù Sa-di không được kể vào hàng tứ chúng, nhưng nên hiểu Sa-di thuộc hội chúng Tỳ-khuru, chư Tỳ-khuru cân quan tâm săn sóc và giúp đỡ cho họ tu tập. Đức Phật cũng rất chú ý đến đời sống phạm hạnh của Sa-di.

Trong nhiều trường hợp Đức Thế Tôn đã tán thán một vị Sa-di phẩm hạnh khả kính; giới luật của hàng Sa-di cũng được Ngài chế định chặt chẽ, trong Tạng Luật còn ghi lại.

Để giúp cho các vị Sa-di tu học giới luật, và hỗ trợ cho Chư Giáo Thọ Sư có trách nhiệm hướng dẫn dạy dỗ Sa-di, chúng tôi mạo muội soạn thảo ra quyển "Luật Sa Di Sāmaṇeravinaya".

Khi soạn quyển luật này, chúng tôi đã dựa vào quyển Sāmaṇeravinaya - do Ngài Uttamamuni soạn dịch, Phnom-Penh xuất bản năm 1939. Chúng tôi cũng có trích từ bộ "Luật Xuất

Gia" của Ngài Hòa Thượng Hộ Tông. Cách trình bày chương mục trong sách này thì do chúng tôi xếp đặt.

Lại nữa, có những phần không ghi trong các Quyển Luật khác, nhưng nhận thấy bổ ích, chúng tôi đã biên soạn thêm.

Sự mạo muội này có thể sẽ có lỗi đối với các bậc Tiên Bối, vì đã làm lại cái việc mà các Ngài đã làm, dám thêm bớt những điều đã có rồi. Bản thân chúng tôi cũng thấy áy náy, nhưng vì mục đích phụng sự lý tưởng hoàng pháp, nâng đỡ việc tu học của hàng Sa-di nên chúng tôi phải làm vậy. Ngưỡng mong các bậc thiện trí thức hỷ xả lỗi lầm và chỉ dạy thêm.

Phần công đức thiện sự này xin kính dâng lên các bậc hữu ân Cha Mẹ và Thầy Tổ, xin hồi hướng đến các vị Chư Thiên hộ trì Phật Pháp, xin nguyện cho chúng sanh an vui tiến hóa.

**Chùa Siêu Lý, Vĩnh Long,
26-12-1997**

Tỳ Khưu Giác Giới phụng soạn

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#)

Xem thêm: [Luật Sa-di \(Bắc tông\)](#). Hòa thượng Thích Trí Quang.

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Giác Giới đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 12-2003)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 20-12-2003

LUẬT NGHI SA-DI SĀMAṆĒRAVINAYA

TỶ KHUÙ GIÁC GIỚI

DL 1997- PL 2541

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

[01]

CHƯƠNG I

PHẦN GIỚI THIỆU

I. 1. NỘI DUNG GIỚI LUẬT

Vinayo sāsanaṃūlaṃ, Luật là cội rễ của giáo pháp. Một cội rễ được tồn tại vững chắc là nhờ có rễ to, rễ ăn sâu xuống lòng đất và lan rộng khắp hướng. Cũng vậy Giáo Pháp toàn hảo của bậc Chánh Đẳng Giác sẽ nhờ có Tạng Luật duy trì cho được tồn tại; bởi vì Giáo Pháp này sau khi đức Thế Tôn viên tịch thì chính do các vị đệ tử xuất gia, Tăng Chúng, sẽ kế thừa sứ mệnh hoằng truyền mà nếu là vậy thì Tăng chúng phải sinh hoạt đồng nhất theo Luật đã chế định, mới có thể hòa hợp nhau, thống nhất ý chí tổ chức và lãnh đạo được. Tăng chúng xuất gia gồm những thành viên của Giáo Hội xuất thân từ các dòng tộc khác nhau, giai cấp xã hội khác nhau, có quốc tịch khác nhau ... Bởi thế Tăng chúng cần phải nương vào Luật để sinh hoạt hòa hợp với nhau.

Giáo pháp của Đức Chánh Biến Tri phân thành ba Tạng (*piṭaka*), nhưng chỉ gồm có hai phần là Pháp (*dhamma*) và Luật (*vinaya*). Pháp gồm những lời dạy mang tính triết lý tu tập thuộc về tạng Kinh và tạng Vi Diệu Pháp. Luật gồm những lời dạy mang tính cách nội quy, nghi thức và phận sự để sinh hoạt, thuộc tạng Luật (*vinayapiṭaka*).

Kinh tạng đặc biệt chú trọng về nghĩa lý (*suttanto atthagambhīro*); Vi Diệu Pháp tạng đặc biệt giải sâu xa về bản thể pháp (*Abhidhammo sa-bhāvagambhīro*); Riêng về luật tạng thì chú trọng về phạm sự (*vinayo kiccagambhīro*).

Khi đức Phật sắp viên tịch, Đại Đức *Ānanda* Thị giả có hỏi ngài về vị thầy để Tăng chúng nương nhờ sau này, thì đức Phật đã phán dạy rằng: "*Yo vo Ānanda mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto so vo mam' accayena satthā*, này *Ananda*, pháp và luật mà Ta đã thuyết dạy trình bày cho các người thì chính pháp và luật ấy là vị thầy của các người sau khi Ta diệt độ."

Như thế thì các Thiện nam tử sau khi đã xuất gia trở thành vị Tỳ-khuru (*bhikkhu*) hay vị Sa-di (*Sāmaṇera*) rồi, cần phải học hiểu thông thạo về Giới Luật; đó là điều tốt đẹp cho phạm hạnh và Giáo Pháp.

I. 2. MỤC ĐÍCH CỦA GIỚI LUẬT

Khi đức Chánh Biến Tri chế định học giới (*Sikkhāpadapaññatti*) cho Tăng chúng, ngài đã nêu lên mười mục đích (*atthavasa*) để vì sao mà ngài phải chế định Giới Luật.

Mười mục đích (*atthavasa*) đó là:

1. *Sanḅhasuṭṭhutāya*, chế định giới luật để đem lại sự tốt đẹp cho Tăng chúng.
2. *Sanḅhaphāsutāya*, chế định giới luật để đem lại sự an vui cho Tăng chúng.
3. *Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya*, chế định giới luật để kiềm chế những người xấu.
4. *Pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvihārāya*, chế định giới luật để đem lại lạc trú cho các Tỳ-khuru đức hạnh.
5. *Diṭṭha dhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya*, chế định giới luật để ngăn chặn các lậu hoặc phiền não trong đời hiện tại.

6. *Samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya*, chế định giới luật để tiêu trừ các lậu hoặc trong đời tương lai.

7. *Appasannānaṃ pasādāya*, chế định giới luật để đem lại niềm tin cho những người chưa có niềm tin.

8. *Pasannānaṃ bhīyyobhāvāya*, chế định giới luật để làm tăng trưởng niềm tin cho những người đã tin.

9. *Saddhammaṭṭhitiyā*, chế định giới luật để duy trì Chánh Pháp.

10. *Vinayānuggahāya*, chế định giới luật để củng cố qui củ.

Những mục đích về việc chế định giới luật được trình bày trích trong *Mahāvagga* I.20, và *Āṅguttaranikāya* .V.70.

Giới luật cũng giống như sợi chỉ, kết xâu những bông hoa thành vòng hoa không bị gió làm rời rạc, cũng như giới luật sẽ kết đoàn Tăng chúng, khiến Tăng hòa hợp và có sức mạnh. Đức Phật dạy rằng khi nào chư Tăng còn thọ trì giới luật không hủy bỏ các học giới đã được ban hành, thì khi ấy Tăng chúng còn được cường thịnh không thối giảm (D.III. Kinh *Mahāparinibbāna*).

I.3. GIỚI LUẬT SA-DI.

Hội chúng đệ tử của Đức Phật gồm có hai là xuất gia và tại gia.

Chúng xuất gia chia ra hai Tăng đoàn là Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni. Chúng tại gia là những người cư sĩ có niềm tin qui y Tam Bảo, có hai thành phần là Cận Sự nam và Cận Sự nữ.

Tăng đoàn Tỳ-khuru, nam tu sĩ, gồm có Tỳ-khuru (*bhikkhu*) là những vị chính thức là thành viên giáo hội tăng già, thọ Cụ Túc Giới (*upasampadā*), lại có thành phần xuất gia chưa thọ Cụ Túc Giới (*anusampanna*) đang tập sự để thành bậc Tỳ Khuru, đó gọi là Sa-di (*sāmaṇera* hay *samaṇuddesa*). Phía Tăng đoàn ni cũng thế, gồm có hàng Tỳ-khuru ni (*bhikkhunī*) và Sa-di ni (*sāmaṇerī*),

lại còn thêm hạng nữa là Thất-xoa-ma-na hay học nữ (*Sikkhā-mānā*) sau hàng Sa-di ni.

Trong quyển luật này chỉ xin trình bày về Giới Luật và phạm sự của hàng Sa-di (*Sāmaṇeravinaya*) để giúp các vị Sa-di tu trong giáo pháp nương theo đó thực hành trau dồi đức hạnh tốt đẹp hầu đến lúc trưởng thành tu lên bậc trên là Tỳ-khuru. Cũng nói thêm là đây chỉ đề cập đến Luật Sa-di phái Tăng thôi, không nói luật Sa-di ni, bởi lẽ theo truyền thống phật giáo Nam Tông hiện tại không còn hình thức Ni chúng nữa, mặc dù trong Luật-Tạng (*vinaya-piṭaka*) vẫn còn ghi lại nguyên vẹn tứ Luật phần Tỳ-Kheo-Ni.

Giải về danh từ Sa-di, *Pāli* gọi là *Sāmaṇera* hay *Samaṇuddesa*, có nghĩa là con của bậc Sa-môn (Tỳ-khuru), hay là người thực tập hạnh Sa-môn để trở thành vị Sa-môn (Tỳ-khuru) thật sự.

Giới luật và phạm sự của hàng Sa-di không quá nhiều và khắt khe như của hàng Tỳ-khuru, nhưng cũng không phải là quá dễ dãi. Đức Thế Tôn đã chế định trong Luật Tạng bộ Đại Phẩm (*Mahā-vagga*) các học giới cho hàng Sa-di, gồm có các điều học (*Sikkhāpada*), các điều hành phạt (*Daṇḍa-kamma*) và các điều trục xuất (*Nāsanaṅga*); chỉ bấy nhiêu, nhưng về sau các bậc A-Xà-Lê đã dựa theo tôn ý Đức Phật nên dạy thêm cho các vị Sa-di phải thực hành một số qui củ có trong giới bổn *Pātimokkha* của Tỳ-khuru để đem lại một đời sống Sa-di đức hạnh, nhất là các uy nghi tế hạnh và các điều răn thuộc lỗi lầm đời quả trách (*Lokavajja*).

-ooOoo-

CHƯƠNG II

LUẬT HỌC TẬP (*Sikkhādhamma*)

Chương này sẽ nói đến các giới học và các nguyên tắc sống mà vị Sa-di phải thọ trì. Gồm có Điều học (*Sikkhāpada*), Ứng học pháp (*Sekhiya-dhamma*) và Phạm sự (*Kiccavatta*).

II.1. CÁC ĐIỀU HỌC (*Sikkhāpada*)

Đức Phật đã chế định mười Điều học cho các Sa-di, có trong tạng luật, bộ Đại Phẩm, như sau:

Anujānāmi bhikkhave sāmaṇerānaṃ dasa sikkhāpadāni tesu ca sāmaṇerehi sikkhituṃ pāṇātipātā veramaṇī adinnādānā veramaṇī abrahmacariyā vera-maṇī musāvādā veramaṇī surāmerayamajjappamā-daṭṭhānā veramaṇī vikālabhojanā veramaṇī nacca-gītavāditavisūkadassanā veramaṇī mālāgandhavilepaṇadhāraṇamaṇḍaṇavibhūsanatṭhānā veramaṇī uc-cāsayanamahāsayanā veramaṇī jātarūparajatapatig-gahanā veramaṇī. Anujānāmi bhikkhave sāmaṇerā-ṇaṃ imāni dasa sikkhāpadāni imesu ca sāmaṇerehi sikkhituṃ 'ti.

Nghĩa là: "Này chư Tỳ-khưu, Ta chế định mười học giới cho các Sa-di; Hàng Sa-di phải học tập những điều ấy. Kiêng tránh sự sát sanh, Kiêng tránh sự trộm cắp, Kiêng tránh sự hành dâm, Kiêng tránh sự nói dối, Kiêng tránh sự dễ duôi uống rượu chất say, Kiêng tránh sự ăn phi thời, Kiêng tránh sự múa hát đờn kèn xem múa hát nghe đờn kèn, Kiêng tránh sự trang điểm thoa xức hương liệu tràng hoa, Kiêng tránh sự nằm ngồi chỗ cao rộng, Kiêng tránh thọ nhận vàng và bạc. Này chư Tỳ-khưu, Ta chế định mười học giới này cho hàng Sa-di, các Sa-di phải học tập theo đó."

Đức Thế-Tôn đã chế định mười điều học (*Sikkhāpada*) cho hàng Sa-di. Mười điều học ấy cần phải được hiểu rõ thông suốt và thuộc lòng bởi các vị Sa-di. Phải hiểu thông chi giới (*aṅga*) của mỗi điều học, hiểu rõ sở hành (*payoga*) của mỗi điều học, thuộc lâu tụng đọc giới được, như thế mới đáng gọi là vị Sa-di thiện xảo về giới.

Nghĩa chú:

1. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ nhất như sau: "*Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyā-mi*, con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự sát sanh."

Gọi là "sự sát sanh" tức là làm chết hay cắt đứt mạng sống của một sinh vật. Sự cố ý sát sanh hội đủ 5 chi (*aṅga*) là :

- a. *Pāṇo*, sinh vật tức là vật có thức tánh.
- b. *Pāṇasaññitā*, biết rõ đó là sinh vật.
- c. *Vadhakacittaṃ*, có tâm muốn sát hại.
- d. *Upakkamo*, cố sức giết bằng mọi cách.
- e. *Tena maranaṃ*, sinh vật đã chết do sự cố sát ấy.

Hội đủ năm chi này mới gọi là đứt giới, phạm điều học; nếu chỉ hành động thiếu một hai chi thì gọi là giới lung rách, giới bất tịnh thôi.

Sa-di phạm điều giới sát sanh tròn đủ chi bị tội trục xuất (*nāsanaṅga*).

Mặt khác, điều giới sát sanh bị phạm đều do 2 sở hành (*payoga*), tức là: phạm do tự mình hành động (*Sahatthikappayoga*), và cũng phạm do bảo kẻ khác làm (*āṇattikappayoga*) ở đây có nghĩa là Sa-di tự mình sát sanh hay xúi bảo người khác sát sanh cũng đều gọi là phạm giới sát sanh. Nên điều học này có tên là *sāṇattika*, tức là điều giới cũng phạm do ra lệnh cho kẻ khác.

2. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ hai như sau: "*Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādi-yāmi*, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự trộm cắp."

Gọi là "Trộm cắp", tức là lấy vật của người khác mà người chủ ấy chưa cho đến mình bằng lời hay hành động; vật của người, là gồm có động sản và bất động sản, thậm chí là cọng rau, cây cỏ v.v.

Hành động trộm cắp, gọi là phạm tội do hội đủ 5 chi (*aṅga*):

- a. *Parapariggahitam*, vật có chủ gìn giữ.
- b. *Parapariggahitasaññitā*, biết là vật có chủ gìn giữ.
- c. *Theyyacittam*, có tâm muốn lấy trộm.
- d. *Upakkamo*, cố sức lấy.
- e. *Tena haranaṃ*, vật đã bị mang đi khỏi chỗ do sự rón sức ấy.

Hội đủ năm chi như thế gọi là đã phạm điều học giới.

Sa-di phạm điều giới trộm cắp bị tội trục xuất (*Nāsaṅga*).

Nói về điều giới trộm cắp, sở hành phạm tội (*payoga*) có 2 cách là tự mình hành động (*Sahat-thikapayoga*) cũng phạm, và xúi bảo người khác trộm cắp (*āṇattikappayoga*) cũng gọi là phạm. Điều giới này có tên là *Sānattika*.

3. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ ba như sau: "*Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi*, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự hành dâm."

Gọi là "hành dâm", tức là làm việc tình dục cấu uế phi phạm hạnh, khi tâm yếu hèn bị dục vọng thể xác chi phối bèn hành động để hưởng khoái lạc, đó gọi là hành dâm.

Hành động gọi là phạm tội hành dâm, do hội đủ 4 chi (*aṅga*) là:

- a. *Bhedanavatthu*, có lỗi khiêu để hành dâm, một trong 30 khiêu.
- b. *Sevanacittam*, có tâm muốn hành lạc.
- c. *Tajjo vāyāmo*, cố gắng hành động.
- d. *Maggena maggappaṭipādanam*, đã để khiêu của mình vào khiêu khác.

Đủ 4 chi như vậy gọi là hành dâm, phạm điều học giới.

Sa-di hành dâm bị tội trục xuất (*nāsaṅga*).

Nói về sự hành dâm, sở hành phạm giới này (*payoga*) là tự mình hành động (*sahatthikappayoga*); xúi bảo người khác hành dâm thì không gọi là phạm giới hành dâm. Điều giới này có tên là *aṇānattika*, nghĩa là điều giới mà không phạm tội do ra lệnh kẻ khác.

4. Sa-di phải học tụng điều giới thứ tư như sau: "*Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi*, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự nói dối."

Gọi là "nói dối", tức là nói điều không thật có bằng tâm cố ý gạt gẫm người khác, nói cho người khác tin điều không đúng, thậm chí là nói dối để lừa.

Sự nói dối phạm giới khi hội đủ 4 chi (*aṅga*) :

- a. *Atathamvatthu*, chuyện không đúng sự thật.
- b. *Viṣamvādanacittam*, có tâm muốn nói cho sai sự thật.
- c. *Tajjo vāyāmo*, cố gắng nói sai.
- d. *Parassa tadatthavijānānaṃ*, đã khiến người khác hiểu tin như thế.

Hội đủ 4 chi như vậy thì gọi là đã phạm điều học giới.

Sa-di phạm điều nói dối bị tội trục xuất (*nāsaṅga*).

Nói về sở hành phạm tội (*payoga*) trong điều học này là chỉ phạm tội do tự mình hành động nói dối (*Sahatthikappayoga*), không phạm tội do xúi bả kẻ khác nói dối (*āṇattikappayoga*). Do đó điều học này có tên là *anāṇattika*, điều giới mà phạm không do xúi kẻ khác.

5. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ năm như sau:

"Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇī sik-khāpadaṃ samādiyāmi, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh nhân để duôi do uống rượu và chất say."

Gọi là "rượu và chất say", tức là thức uống có nồng độ mạnh, có khả năng kích thích loạn tâm thần; chất say này là "rượu men" tức là rượu do ủ chứa một loại trái cây cho lên nồng độ, hai là "rượu nấu", một loại do pha chế từ nhiều chất kích thích với nước ... uống chất say ấy gọi là uống rượu.

Gọi là phạm tội uống rượu do hội đủ 4 chi (*aṅga*) :

- a. *Majjanīyavatthu*, thức uống đó là chất làm say.
- b. *Pātukamyatācittam*, có tâm muốn uống.
- c. *Tajjo vāyāmo*, rán sức uống chất ấy.
- d. *Tassa pānaṃ*, đã uống nước say ấy khỏi cổ.

Sa-di có tâm thích thú uống chất say ấy dù chỉ là một giọt cũng gọi là phạm. Nếu dùng rượu chút ít để giải độc hay giải mùi hôi trong thức ăn thì không phạm tội.

Sa-di cố ý để đuôi uống rượu bị phạm tội trực xuất (*nāsaṅga*).

Nói về sở hành phạm tội (*payoga*) trong điều học này là chỉ phạm tội do tự mình làm (*sahatthi-kappayoga*), không phạm tội vì xúi kẻ khác. Nên điều học này được gọi tên là *anāṇattika*.

6. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ sáu như sau: "*Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādi-yāmi*, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự ăn phi thời."

Gọi là "phi thời" tức là từ mặt trời giữa trưa đứng bóng chính xác cho đến lúc rạng đông ngày sau. Từ lúc rạng đông (*aruṇuggamana*) cho đến thật đứng bóng thì gọi là chánh thời. Trong chú giải nói rằng dù mặt trời vừa chình hướng tây khoảng cách hai lóng tay cũng gọi là phi thời rồi.

Gọi là "sự ăn" tức là dùng loại vật thực như cơm, bánh, cá, thịt v.v. loại vật thực mà được cho là thức ăn trong thời buổi sáng (*yāvakālika*) thì không được phép dùng vào buổi phi thời, thậm chí là các loại rễ củ nấu thành bột được và trái cây.

Các loại rễ như cây mía và trái như cam, bưởi ... mà ép ra nước được thì cho phép dùng uống vào phi thời nhưng phải lượt kỹ bỏ bã xác.

Giới ăn phi thời, có 3 chi; hội đủ 3 chi ấy thì phạm tội:

- a. *Vikālo*, lúc phi thời như đã giải trên.
- b. *Yāvakālikaṃ*, là vật thực chỉ cho phép dùng trong thời, tức trong buổi sáng.
- c. *Ajjhoharanam*, đã nuốt khỏi cổ.

Trong chú giải dạy thêm rằng, khi ăn xong vật thực mà chưa xia răng súc miệng, còn chút ít vật thực dính lại đến quá thời nuốt vào cũng gọi là phạm. Vì vậy ăn xong phải dùng tâm xia răng và nước súc miệng cho sạch; nếu nơi ấy không có nước mà gặm qua

phi thời thì nên nhổ nước miếng hai ba lần gọi là tác tịnh rồi sau đó tìm nước súc miệng.

Sa-di ăn phi thời bị tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

Sở hành phạm tội (*payoga*) trong điều học này là chỉ phạm do tự mình làm, tức là tự mình ăn phi thời (*Sahatthikappayoga*). Không phạm do xúi bảo kẻ khác. Bởi thế điều học này gọi là *anānattika*.

7. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ bảy như sau: "*Naccagītavāditavisūkadassanā veramaṇī sikkhā padam samādiyāmi*, Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự ca nhạc khiêu vũ."

Gọi là "Ca nhạc" tức là hát lên những bài hát; tự mình ca hát hoặc nghe người khác ca hát, cũng gọi là thưởng thức ca nhạc.

Gọi là "khiêu vũ" tức là múa những điệu múa theo tiếng nhạc hay có bài bản nhịp nhàng; tự mình vũ múa hay xem người khác vũ múa, cũng gọi là thưởng thức khiêu vũ.

Điều giới này phạm tội do hội đủ 3 chi (*aṅga*):

- a. *Naccagītādi*, ấy là điệu múa, bài ca v.v .
- b. *Kattukamyatācittam*, có tâm muốn hành động.
- c. *Sutadassanatthāya gamanaṃ*, đã đi nghe hoặc xem v.v.

Tình cờ nghe tiếng hát hoặc thấy khiêu vũ, nhưng tâm không muốn thưởng thức, không hoan hỷ thì không phạm tội. Nếu tự mình ca hát hay khiêu vũ thì đã là có tâm muốn và thích rồi, nên gọi là phạm tội trong mọi trường hợp.

Sa-di ca nhạc khiêu vũ bị phạm tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

Về sở hành phạm tội (*payoga*) trong điều học này là phạm do tự mình làm, tức là tự mình hát, vũ hoặc nghe nhạc, xem múa (*sahatthikappayoga*); không phạm do xúi bảo kẻ khác. Nên điều học này cũng gọi là *anānattika*.

8. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ tám như sau:

"*Mālāgandhavilepanadhāraṇamaṇḍanavibhūsa-naṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi*, Con xin thọ trì điều học là kiêng tránh sự trang điểm đeo tràng hoa thoa xúc hương liệu."

Gọi là "trang điểm" tức là làm đẹp xác thân, là nhân làm cho ái luyến sanh khởi.

Gọi là "đeo tràng hoa" tức là mang vào cổ, vào tai, vào cánh tay những vật trang sức được làm bằng vàng bạc ngọc châu ... thậm chí là đội trên đầu, cài trên tóc những cành hoa, chùm hoa hay vòng hoa tươi.

Gọi là "thoa xúc hương liệu", tức là dùng loại chất thơm, hình thức nước hoặc bột phân ròi thoa phết trên thân mình.

Điều giới này phạm tội do hội đủ 3 chi (*aṅga*):

- a. *Mālādi*, ấy là vật liệu trang điểm như vòng hoa v.v.
- b. *Dhāraṇachandatā*, ham muốn trang điểm.
- c. *Tassa dhāraṇaṃ*, đã trang điểm bằng thứ ấy.

Khi che dù đội nón mà có dính sản vật như vòng hoa, hoặc thoa thuốc để trị bệnh mà có mùi thơm, nhưng tâm không chú ý ưa thích thì không phạm tội.

Sa-di trang điểm làm đẹp bị phạm tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

Về sở hành phạm tội (*payoga*), điều học này bị phạm do tự mình làm (*sahatthikappayoga*) tức là tự mình trang điểm làm đẹp thân mình. Không phạm tội do khuyến khích người khác trang điểm; nếu bảo người làm cho mình thì tất nhiên bị phạm điều học này. Đây cũng là điều giới thuộc *anāṇattika*.

9. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ chín như sau:

"*Uccāsayanamahāsayanā veramaṇī sikkhāpa-damaṃ samādiyāmi*, con xin thọ trì điều học kiêng tránh sàng tọa cao rộng."

Gọi là "sàng tọa" tức là chỗ nằm chỗ ngồi, sàng tọa cao rộng: gọi là chỗ nằm ngồi cao (*ucca*) là đo từ mặt đất lên quá 5 tấc (dm) tức là luật chỉ cho phép làm giường ghế chân cao khoảng 8

ngón của Đức Phật hay 24 ngón của người thường, khoảng 5 tấc tây (dm), cao từ 5 tấc hoặc thấp hơn gọi là chỗ không cao. Gọi là chỗ nằm ngồi rộng (*mahā*) là giường hay ghế có diện tích quá khổ, ở đây gọi là quá khổ tức là rộng mà có thể 16 vũ nữ đứng múa được. Nói tóm lại gọi là sàng tọa cao rộng tức là chỗ nằm ngồi sang cả, thoải mái, khiến thân xác dễ chịu làm cho tâm phàm dễ sanh tà tư duy.

Điều học này phạm tội do hội đủ 3 chi (*aṅga*):

- a. *Uccāsayanamahāsayanam*, ấy là chỗ nằm ngồi quá cao quá rộng.
- b. *Paribhogacittam*, có tâm muốn sử dụng.
- c. *Paribhogakaranam*, đã làm và thọ dụng chỗ ngồi ấy.

Khi có người mời đến nhà để họ làm phước, thỉnh nằm ngồi trên chỗ của họ thuộc cao sang quý trọng thì nên tác ý chỗ nằm ngồi phải lẽ thôi, không nên thỏa thích.

Sa-di tạo ra và sử dụng sàng tọa cao rộng bị phạm tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

Về sở hành phạm tội (*payoga*), điều học này bị phạm do tự mình làm (*sahatthikappayoga*), tức là chỉ khi chính mình nằm ngồi chỗ cao rộng mới gọi là phạm; không phạm tội vì bảo kẻ khác làm. Do đó điều học này cũng thuộc điều giới *anāṇattika*.

10. Sa-di phải đọc tụng điều giới thứ mười như sau:

"*Jātarūparajatappaṭigahanā veramanī sikkhāpa-dam samādiyāmi*. Con xin thọ trì điều học kiêng tránh sự nhận thọ vàng bạc."

Gọi là "vàng" tức là loại kim loại quý giá trong dạng vàng lá, vàng khối, vàng trang sức ... gọi là "bạc" tức là bạc kim loại, bạc làm đồ trang sức, hay bạc làm tiền tệ để mua bán, dưới dạng bạc giấy, bạc nén, hoặc các vật đã qui định thành tiền tệ đều gọi là bạc.

Gọi là nhận thọ tức là tự tay lấy cất giữ hay bảo người khác cất giữ cho mình cũng gọi là hình thức thọ nhận vàng bạc.

Điều giới này phạm tội do hội đủ 3 chi (*aṅga*):

- a. *Jātarūparajataṃ*, ấy là vàng và bạc được qui định có giá trị tài sản.
- b. *Attuddissatā*, giữ cho mình.
- c. *Patiggaṇhāti*, tự thọ nhận hoặc bảo kẻ khác nhận dùm và vui thích theo sự nhận ấy.

Sa-di giữ vàng bạc không phải cho mình hoặc bị bắt buộc cầm lấy như tâm tính sẽ đem cho hoặc ném bỏ đi, ấy không gọi là phạm tội.

Về sở hành phạm tội do cả hai cách là tự mình nhận (*sahatthikappayoga*), và xúi bảo kẻ khác nhận (*ānattikappayoga*). Nên điều học này có tên là *sāṇattika*.

DỨT MƯỜI ĐIỀU HỌC.

-ooOoo-

II.2. ỨNG HỌC PHÁP (*Sekhiyadhamma*).

Trong *Pāli Sāmaṇeravinayapāṭha* có lời dạy rằng:

Sekhiyavattakkhandhakavattesu aññesu ca suk kavisatṭhi ādilokavajjasikkhāpadesu ca sāmaṇerehi vattitabbaṃ tattha avattamāno alajjī daṇḍakammā-raho va hoti.

Nghĩa là: đối những điều học như Ứng học pháp, pháp hành và các điều học thế thường tội (*lokavajja*) thì các Sa-di cũng phải chấp hành. Sa-di nào không chấp hành không biết thẹn thì đáng phải tội hành phạt."

Như vậy, ngoài 10 điều học (*sikkhāpada*) vị Sa-di còn có những học giới khác phải tuân theo nữa.

Ứng học pháp (*Sekhiyadhamma* hay *sekhiya-vatta*) gồm có 75 điều:

1. *Parimaṇḍalam nivāsissāmi' ti sikkhā kara-ṇīyā*. Điều học cần phải hành là ta phải vận y gọn gàng.

Gọi là "vận y - *nivāsissāmi*" tức là quần y nội (*antaravāsakam*).
Gọi là "gọn gàng - *Parimaṇḍalaṃ*" tức là mặc y nội đều phía trên kín rốn, phía dưới phủ quá đầu gối khoảng 8 ngón (2 tấc tay).

2. *Parimaṇḍalaṃ pārupissāmī' ti sikkhā kara-ñīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ mặc y gọn gàng.

Gọi là "mặc y - *pārupissāmi*" tức là khoác y vai trái (*uttarāsangam*). Trong điều này gọi là "mặc gọn gàng" tức là phía tay trái phủ y kín tới khuỷu tay, phía dưới phủ quá gối 4 ngón (khoảng 1 tấc tây).

3. *Suppaṭicchanno antaraghare gamissāmī' ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta phải che kín mình đi trong xóm nhà.

Gọi là "che kín - *Suppaṭicchanno*" tức là quần trùm y kín cả hai vai khi đi trong xóm nhà, chớ không nên chừa trống vai phải như ở trong chùa. Gọi là "xóm nhà - *antaraghare*" tức là địa phận mà có trên 5 ngôi nhà cư sĩ cận nhau liên tiếp; cận nhau là gần có thể bên này ném đất tới bên kia theo sức người thường.

4. *Suppaṭicchanno antaraghare nisīdissāmī' ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ che kín mình khi ngồi trong xóm nhà.

Nghĩa là khi đến ngồi trong nhà cư sĩ cũng phải mặc y phủ cả hai vai. Nếu có ngủ lại trong đêm, lúc ngủ không che kín mình cũng được nhưng sáng ra phải mặc kín lại.

5. *Susamvuto antaraghare gamissāmī' ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ thu thúc khi đi trong xóm nhà.

Gọi là "thu thúc - *susamvuto*" tức là giữ oai nghi và cử chỉ cho nghiêm túc khi đi trong xóm.

6. *Susamvuto antaraghare nisīdissāmī' ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ thu thúc khi ngồi trong xóm nhà.

Nghĩa là lúc đến ngồi trong nhà cư sĩ, cũng phải nghiêm túc cử chỉ oai nghi.

7. *Okkhittacakkhu antaraghare gamissāmī' ti sikkhā karaṇīyā.*

Điều học phải hành là ta đi trong xóm nhà mắt nhìn xuống.

Nghĩa là đi giữ xóm nhà cư sĩ không nên rảo mắt nhìn chỗ này chỗ kia. Gọi là "mắt nhìn xuống - *Okkhittacakkhu*" tức là mắt nhìn tới trước khoảng cách 4 hắc tay (khoảng 2 mét). Gặp nơi có thể xảy ra nguy hiểm như có thú dữ, người hung dữ, hoặc xe cộ thì được phép nhìn lên quan sát để đề phòng bắt trộm.

8. *Okkhittacakkhu antaraghare nisīdissāmī' ti sikkhā karaṇīyā.*

Điều học phải hành là ta ngồi trong xóm nhà mắt nhìn xuống.

Điều này nghĩa là khi có đến nhà cư sĩ ngồi lại trong nhà thì chỉ nên để mắt nhìn xuống khoảng cách chừng 4 hắc tay, chẳng nên nhìn lên tìm xem chỗ này chỗ kia, trừ khi để quan sát ngừa sự tai hại.

9. *Na ukkhittakāya antaraghare gamissāmī' ti sikkhā karaṇīyā.*

Điều học phải hành là ta không vén y (bày thân thể) khi đi trong xóm nhà.

Điều này nghĩa là lúc đi trong xóm nhà cư sĩ không nên vén y để hở hang thân thể cho thấy.

10. *Na ukkhittakāya antaraghare nisīdissāmī' ti sikkhā karaṇīyā.*

Điều học phải hành là ta không vén y (bày thân thể) khi ngồi trong xóm nhà.

Điều này cũng nghĩa là không nên vén y để hở hang thân thể cho thấy, khi vào ngôi trong nhà cư sĩ, dù là trong khi đang ngồi thọ thực. Nhưng nếu có ngủ lại trong đêm tại nhà cư sĩ, lúc ngủ vén y hở thân không phạm.

11. *Na ujjagghikāya antaraghare gamissāmī' ti sikkhā karaṇīyā.*

Điều học phải hành là ta sẽ không cười lớn tiếng khi đi trong xóm nhà.

Cười lớn tiếng, là cười phát thành tiếng mà người khác nghe được, dù có bệnh cũng phạm tội vì dễ duôi. Có cơ thì chỉ mỉm cười.

12. *Na ujjagghikāya antaraghare nisīdissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ không cười lớn tiếng khi ngồi trong xóm nhà.

13. *Appasaddo antaraghare gamissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ nói nhỏ tiếng khi đi trong xóm nhà.

Gọi là "nói nhỏ tiếng" tức là nói âm thanh vừa nghe thôi, hoặc hiểu bằng cách thí dụ có ba vị ngồi, vị ngồi đầu cách vị chót 12 hắc (khoảng 6 mét), vị đầu nói chuyện với vị giữa mà vị ngồi sau chót chỉ nghe tiếng nhưng không rõ nói gì, vậy gọi là nói nhỏ tiếng.

14. *Appasaddo antaraghare nisīdissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ nói nhỏ tiếng khi ngồi trong xóm nhà.

Khi ngồi trong nhà cư sĩ, cần phải nói chuyện cho nhỏ nhẹ, tránh sự ồn ào mất tư cách, phát thanh vừa nghe cho vị ngồi kề bên, đừng nói chuyện to đến nỗi người ngồi xa 6 mét cũng nghe rõ. Trừ phi là thuyết pháp cho thí chủ nghe.

15. *Na kāyappacālakam antaraghare gamis-sāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không uốn éo thân mình khi đi trong xóm nhà.

Khi đứng giữa xóm nhà cư sĩ phải giữ thân mình nghiêm trang, không khom người qua lại.

16. *Na kāyappacālakam antaraghare nisīdis-sāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta không uốn éo thân mình khi ngồi trong xóm nhà.

17. *Na bāhuppacālakam antaraghare gamissā-mī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không đánh đồng xa khi đi trong xóm nhà.

Khi đi tay nên nắm giữ y gọn gàng, chẳng nên như người cư sĩ tay quơ trước quơ sau.

18. *Na bāhuppacālakam antaraghare nisīdissā-mī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không múa máy khi ngồi trong xóm nhà.

19. *Na sīsappacālakam antaraghare gamissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không lắc đầu khi đi trong xóm nhà.

Có vị thành cổ tật khi mỗi cổ hay vắn lắc đầu khi đi hoặc lúc ngồi, không nên như thế lúc đi giữa xóm nhà.

20. *Na sīsappacālakam antaraghare nisīdissā-mī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không lắc đầu khi ngồi trong xóm nhà.

21. *Na khambhakato antaraghare gamissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không chống nạnh khi đi trong xóm nhà.

22. *Na khambhakato antaraghare nisīdissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không chống nạnh khi ngồi trong xóm nhà.

23. *Na oguṇṭhito antaraghare gamissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không trùm đầu khi đi trong xóm nhà.

24. *Na oguṇṭhito antaraghare nisīdissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không trùm đầu khi ngồi trong xóm nhà.

25. *Na ukkutikāya antaraghare gamissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không đi nhón gót khi vào trong xóm nhà.

26. *Na pallatthikāya antaraghare nisīdissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ngồi bó gối khi ngồi trong xóm nhà.

Cả 26 điều Ưng học pháp này được gọi là điều luật tướng hảo (*sāruppā*), điều thực hành sẽ làm ra dáng đứng đắn, phong cách

tốt. Vị Sa-di nào để đuôi cô ý làm sai luật thì bị tội hành phạt (*danda-kamma*). Nếu vì quên hoặc không biết, không cố ý, hay là có sự tai hại, bị điên loạn, bị bệnh thì không phạm tội.

27. *Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmi 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ thọ nhận thực phẩm một cách trang trọng.

Gọi là "trang trọng - *sakkaccaṃ*" tức là nghiêm chỉnh, một thái độ có quan tâm; cho dù thí chủ có đáng cúng cho thực phẩm tầm thường, hay là vật nhỏ mọn, nhưng vị sư phải chủ tâm lãnh nhận, không nên nhận bằng thái độ lơ là hoặc như nhận vì tức giận, vì không hoan hỷ.

28. *Pattasaññī piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmi 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ nhìn xuống bát khi thọ nhận thực phẩm.

Gọi là "nhìn xuống bát - *pattasaññī*", tức là khi nhận thức ăn mà thí chủ cúng dường đặt bát hoặc nhận mâm thực phẩm, chỉ nên để mắt nhìn xuống chớ đừng đưa mắt nhìn mặt hay quan sát người thí chủ.

29. *Samasūpakāṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmi 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ thọ nhận thực phẩm cơm canh đều nhau.

Ngày xưa chư tăng không dùng muỗng nĩa hay đũa để gắp múc vật thực mà chỉ dùng tay vớt cơm mà thôi, nếu khi khát thực mà thọ canh (*sūpa*) nhiều quá và đổ chung vào bát với cơm thì không thể vớt thành nắm cơm để dùng, do đó phải thọ nhận cơm canh vừa nhau thôi. Học giới này có lẽ chỉ còn áp dụng trong xứ ăn bằng tay bốc, hay vị khát thực ăn bát.

30. *Samatittikaṃ piṇḍapātaṃ paṭiggahessāmi 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ thọ nhận thực phẩm vừa với miệng bát.

Giải rằng không nên nhận quá nhiều vun lên tràn đồ đựng như bát, tô ... dù là thức dùng như là *yamakālika*, *sattāhakālika*,

yāvakālika (các thức dùng mà được phép thọ giữ qua đêm, qua tuần, hoặc cho đến hết ...) cũng chẳng nên nhận vun tràn miệng bát. Mía cắt đoạn hoặc trái cây mà họ đặt vào bát không đầy nắp bát được, cũng gọi là vun bát, chẳng nên nhận nữa.

31. *Sakkaccaṃ piṇḍapātaṃ bhujjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ thọ dụng thực phẩm một cách trang nghiêm.

Giải rằng "ăn trang nghiêm - *sakkaccaṃ*" tức là khi ăn, động tác nhai ăn, cầm lấy, đưa vào miệng ... phải chậm rãi, không vội vã, cũng không nên làm như ăn chơi đùa, ăn chán, ăn mà tư tưởng mông lung...

32. *Pattasaññī piṇḍapātaṃ bhujjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ ăn thực phẩm chỉ nhìn xuống bát.

Giải rằng khi ăn không nên rảo mắt ngó quanh như ăn vụng trộm, hoặc như muốn tìm kiếm thêm nữa, phải nhìn vào bát để tập trung quán tưởng vật thực.

33. *Sapadānam piṇḍapātaṃ bhujjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là ta sẽ ăn vật thực một cách đều đặn.

Giải rằng: ăn đều đặn tức là không bươi móc vật thực sâu giữa bát mà ăn, chỉ ăn tuần tự từ trên xuống hoặc từ ngoài lấy vô cho đến hết.

34. *Samasūpakam piṇḍapātaṃ bhujjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.*
Điều học phải hành là sẽ ăn vật thực cơm canh đều nhau.

Giải rằng: ăn cơm và canh vừa nhau, để vắt nắm cơm cho dẽ, nếu canh nhiều quá thì bỏ nắm cơm, sẽ rơi vãi khi cầm hay múc.

35. *Na thūpato omadditvā piṇḍapātaṃ bhujjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ ăn vật thực không đùa vun thành ngọn.

36. *Na sūpaṃ vā byañjanaṃ vā odanena paṭic-chādessāmī 'ti bhiiyyokamyataṃ upādāyā 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải

hành là ta sẽ không đũa cơm lấp lên thức ăn vì muốn được nhận thêm.

Nghĩa là thức ăn như canh, đồ khô . . . Dùng để ăn với cơm, nhận được bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu, không nên có ý muốn nhiều thêm rồi đũa cơm lấp lại để thí chủ tưởng là chưa có mà đem dâng.

37. *Na sūpaṃ vā odanaṃ vā agilāno attano atthāya viññāpetvā bhuñjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không xin canh hoặc cơm để mình ăn khi không bệnh.

Giải rằng: Nếu thí chủ là bà con thân thích, hoặc người đã ngỏ lời đáp ứng yêu cầu, hoặc xin cơm canh cho vị khác ăn, thì không phạm tội.

38. *Na ujjhānasaññī pasesaṃ pattaṃ olokes-sāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không vì muốn tìm lỗi mà nhìn xem bát của vị khác.

Chú giải rằng: nhìn xem bát của vị khác đang ăn để tìm lỗi, dù mình là người bệnh cũng phạm tội; nhưng nếu xem qua bát của vị khác để có ý cho thêm thức ăn thiếu, hoặc nhìn qua bát vị khác mà không cố ý bắt lỗi, thì không phạm tội.

39. *N' ātimahantaṃ kabalaṃ karissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là sẽ không vắt nắm cơm quá lớn.

Chú giải rằng: gọi là vắt cơm quá lớn tức là to bằng trứng ngỗng, còn nếu bằng trứng gà thì là nhỏ quá, nên vắt cơm cỡ bằng trứng vịt là vừa.

40. *Parimaṇḍalaṃ ālopaṃ karissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là sẽ vắt cơm cho tròn đều.

Nghĩa là không làm dài như trái chuối rồi cắn ăn. Nên làm vắt cơm cho tròn để dễ bỏ vào miệng.

41. *Na anāhate kabale mukhadvāraṃ vivaris-sāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không há miệng trước khi miếng cơm chưa đến miệng.

42. *Na bhuñjamāno sabbam hattham mukhe pakkhipissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là khi đang ăn ta sẽ không đưa hết các ngón tay vào miệng.

43. *Na sakabalena mukhena byāharissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là sẽ không nói chuyện với miệng còn vật thực.

44. *Na pindukkhepakam bhuñjissāmī 'tisik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn mà thấy miếng vật thực vào miệng.

45. *Na kabalāvacchedakam bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không cắn vỡ vát cơm mà ăn.

46. *Na avagaṇḍakāraḥam bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn mà độn phình gò má.

Con khi khi ăn nó độn gò hai bên má, vị sư chẳng nên ăn như thế.

47. *Na hatthaniddhūnakam bhuñjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn mà búng rảy tay.

Rác hoặc bụi trong cơm, bóc ra rảy cho sạch tay, làm thế không phạm tội.

48. *Na siṭṭhāvākāraḥam bhuñjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn làm rơi vãi cơm.

Nếu liệng đồ rác mà có dính theo cơm, thì không phạm tội.

49. *Na jivhānicchāraḥam bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn thè lưỡi ra khỏi miệng.

50. *Na capucapukāraḥam bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn chếp miệng.

Lúc ăn hoặc uống, không nên chếp miệng thành tiếng như còn thềm.

51. *Na surusurukāraṇaṃ bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn húp thành tiếng rột rột.

Lúc ăn cháo, canh loãng, hoặc uống nước. . . Không nên húp kêu thành tiếng, dù là nóng.

52. *Na hatthanillehakaṃ bhuñjissāmī 'ti sik-khā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn liếm tay.

53. *Na pattanillehakaṃ bhuñjissāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn liếm bát.

54. *Na oṭṭhanillehakaṃ bhuñjissāmī 'tisikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ăn liếm môi.

55. *Na sāmisenā hatthenā pāṇīyathālakāṃ paṭiggahessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không cầm đồ đựng nước uống với tay còn dính vật thực.

Đồ đựng nước là ca, ly, tách hoặc thau chậu chỉ dùng đựng nước uống.

56. *Na sasitthakaṃ pattadhovanaṃ antaraghare chaddessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không đổ nước rửa bát có cặn bã vật thực lên trên khoảng đất nhà.

Gọi là khoảng đất nhà là nền nhà, sân nhà, đường đi lại trong xóm ... Phải lượm sạch cặn cơm hoặc đổ nước cặn đó vào nơi phải lẽ như đồng rác hoặc nơi xa xóm nhà ...

Từ điều 27 đến điều 56 gọi là 30 điều học có liên quan việc thọ thực (*bhojanappatisamyuttā*).

Cả ba mươi điều học này, Sa-di nào để đuôi cổ ý vi phạm thì bị tội hành phạt (*dandakamma*).

Không cố ý, lãng quên, hoặc có sự tai hại hoặc bị điên loạn đều không phạm tội.

Nếu bị bệnh cũng không phạm tội, ngoại trừ 4 điều là: nhận vật thực tràn miệng bát (điều 30), bươi vật thực trong bát mà ăn

(điều 33), lấp com che vật thực (điều 36), nhìn qua bát vị khác để kiểm lỗi (điều 38), 4 điều ấy cho dù vị sư bệnh cũng phạm tội.

57. *Na chattapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay che dù.

Chú giải: nếu người ấy xếp dù lại và cầm trong tay, hay người ấy được người khác che cho, như thế gọi là người không phải tay che dù, nên có thể thuyết pháp đến họ được. Trường hợp người ấy bị bệnh không thể phơi sương nắng nên phải tự tay che dù, thì cũng được phép thuyết pháp đến người ấy.

58. *Na daṇḍapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà trong tay cầm gậy.

Chú giải: Người có bệnh phải cầm gậy để chống cho vững, thì người ấy gọi là người có bệnh nên được phép thuyết pháp cho họ, còn người thường cầm gậy, nhưng lúc đó đã bỏ gậy xuống hoặc đưa người khác cầm hộ, thì cũng được phép thuyết pháp cho họ nghe, vì gọi là người không có gậy trong tay.

59. *Na satthapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay cầm vật bén.

Chú giải : vật bén (*sattha*) như là gươm, dao, mác v.v. Gọi là vô bệnh (*agilāna*) trong điều học này tức không phải là người đang bị ma quỷ nhập cần cầm dao bén để ếm tà ...

60. *Na āvudhapāṇissa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà tay cầm khí giới.

Chú giải: gọi là khí giới (*āvudha*), tức là vật dụng dùng để chiến đấu như cung, tên súng đạn, giáo kích v.v. người bị ma quỷ nhập cần cầm sát khí để ếm trừ, như vậy là người có bệnh. Được phép thuyết pháp đến người ấy.

61. *Na pādukārūḷhassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà có mang dép.

Chú giải: mang guộc cũng như mang dép, nếu là người không phải bị bệnh thì chẳng nên nói pháp đến họ.

62. *Na upāhanārūḷhassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta không thuyết pháp đến người vô bệnh mà có mang giày.

Chú giải: giày là đồ mang dưới chân, khác hơn dép, guộc, nghĩa là giày che bít cả bàn chân, giày được làm bằng da thuộc hoặc bằng vải, hoặc bằng cỏ rơm ... dù loại giày gì, nếu người không bệnh mà mang giày thì chẳng được phép nói pháp đến người đó.

63. *Na yānagatassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà ngồi trên kiệu.

Chú giải: gọi là xe (*yāna*) là phương tiện di chuyển thoải mái và nhanh; Dù là võng, kiệu, cang hay xe ngựa, xe bò, xe cơ giới cũng đều gọi chung là xe.

Nếu cùng ngồi trên xe thì thuyết pháp được, tuy nhiên không nên ngồi chỗ xe thấp mà thuyết pháp đến người ngồi xe cao hơn, không nên ngồi chỗ xe phía sau mà thuyết nói đến người ngồi chỗ xe phía trước, dù chỗ sau cao hơn cũng không nên.

Điều kiện cho phép thuyết pháp là đối với người bệnh, đối với người ngồi xe thấp hơn và ở phía sau, hay là cùng ngồi chỗ ngang nhau đều được phép cả.

64. *Na Sayanagatassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà nằm.

Chú giải: nếu người bệnh nằm, ta đứng hoặc ngồi thuyết pháp cho họ thì được; nếu cùng nằm như nhau thì cũng được phép, hoặc mình nằm mà thuyết pháp đến người ngồi hoặc đứng cũng

phải lẽ. Nếu cùng nằm phải là nằm chỗ cao hơn hoặc ngang nhau mới được phép.

65. *Na pallatthikāyanisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà ngồi bó gối.

Chú giải: người ngồi bó gối là người không tập trung, lơ đãng việc nghe pháp, do vậy chẳng nên thuyết pháp đến họ; ngồi bó gối cả hai chân hoặc chỉ một chân cũng gọi là ngồi bó gối. Chỉ ngoại trừ người bị bệnh thì được.

66. *Na vethitasāsassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà đầu quấn khăn.

Ở xứ Ấn và một số quốc độ thường hay quấn khăn ở đầu như một trang phục, hoặc có số người thường quấn khăn khi đi ra ngoài thay vì đội nón. Nếu không phải vì người bệnh mà quấn khăn kín đầu thì chẳng nên thuyết pháp đến họ, bởi như thế thiếu sự cung kính pháp.

67. *Na oḅḅhitasāsassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh mà đầu đội nón.

Đội nón tức là đội vật che đầu khác ngoài ra khăn, thậm chí là đội vật trên đầu để biểu thị quyền uy, biểu thị sự sang cả như mũ vua quan, vương miện ...

Nếu là người bị bệnh phải đội mũ che nắng, thì được phép thuyết pháp đến họ.

68. *Na Chamāyam nisīditvā āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karaṇīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ngồi trên đất trệt mà thuyết pháp cho người vô bệnh ngồi trên chỗ trải.

Gọi là chỗ trải tức là ngồi chỗ có trải chiếu, thảm, vải lót v.v. nếu là người bị bệnh phải ngồi trên chỗ có trải, thì ta thuyết pháp đến

họ được.

69. *Na nīce āsane nisīditvā ucce āsane nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā ka-ranīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không ngồi trên chỗ thấp mà thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi trên chỗ cao.

Gọi là chỗ thấp và chỗ cao, nghĩa là chỗ này thấp hơn chỗ kia, chỗ ngồi kia cao hơn chỗ này. Ta ngồi nơi thấp không nên thuyết pháp cho người ngồi nơi cao hơn, ngoại trừ người đang bệnh.

70. *Na thito nisinnassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā karānīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không đứng mà thuyết pháp đến người vô bệnh ngồi.

Chú giải có nói: nếu đến chỗ vị trưởng lão, mình đang đứng hầu chuyện; vị trưởng lão hỏi pháp, trưởng hợp không thể không đáp cũng không thể ngồi ngang hoặc bảo trưởng lão đứng lên thì nên tác ý đến người nào đó đang đứng gần đấy để trả lời giảng pháp.

71. *Na pacchato gacchanto purato gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā ka-ranīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không đi phía sau mà thuyết pháp đến người vô bệnh đi phía trước.

Chú giải: nếu đi cùng vị trưởng lão, vị ấy đi phía trước hỏi pháp, ta đang đi phía sau chẳng phép không trả lời, bởi thế hãy tác ý rằng ta sẽ nói pháp đến vị đi phía sau, như vậy nói pháp không phạm tội.

72. *Na uppathena gacchanto pathena gacchantassa agilānassa dhammaṃ desessāmī 'ti sikkhā ka-ranīyā.* Điều học phải hành là ta sẽ không thuyết pháp đến người vô bệnh đi ngoài lòng đường.

Chú giải: nếu con đường hẹp mỗi người đi một bên lề, thì nói pháp không sao.

Từ điều 57 đến điều 72, gọi là 16 điều Ưng học pháp liên quan sự thuyết pháp (*dhammadesa-nāpaṭisaṃyuttā*).

Vị Sa-di nào để đuôi cô ý vi phạm trong 16 điều này thì bị tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

Trường hợp quên, hoặc có bệnh, có điều tai hại, và với vị điên loạn, thì không phạm tội.

73. *Na ʘhito agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā karissāmi 'ti sikkhā karanīyā*. Điều học phải hành là ta sẽ không vô bệnh mà đứng đại tiện hoặc tiểu tiện.

Chú giải: có bệnh như là bị ghẻ nhọt nơi bắp chân ... không thể ngồi xuống được nên phải đứng mà đại hoặc tiểu tiện, như thế không phạm tội. Nếu trường hợp mắc đại tiểu tiện gấp rút không kịp ngồi, như thế cũng gọi là "có bệnh", nên không phạm tội.

74. *Na harite agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā khelaṃ vā karissāmi 'ti sikkhā karanīyā*. Điều học phải hành là ta vô bệnh sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hay khắc nhỏ trên thảo mộc tươi.

Chú giải: gọi là thảo mộc tươi (*harite*) như là cây cỏ còn sống, thậm chí rễ cây mọc nổi trên mặt đất thấy rõ, hay nhánh lá cây đang phát triển cũng gọi là thảo mộc tươi.

Gọi là có bệnh, tức là bị tháo hay bị bức bách không kịp đi tìm nơi đất trống sạch để giải, trường hợp này gọi là có bệnh, nhỏ hoặc giải trên cây cỏ không phạm tội. Nhưng tốt hơn là hãy tìm vật gì để lót trên cỏ rồi mới đại tiểu tiện hay khắc nhỏ, dù có chảy ướt thảo mộc ấy cũng xem là vô tội.

75. *Na udake agilāno uccāraṃ vā passāvaṃ vā khelaṃ vā karissāmi 'ti sikkhā karanīyā*. Điều học phải hành là ta vô bệnh sẽ không đại tiện hoặc tiểu tiện hay khắc nhỏ trong nước sạch.

Chú giải: gọi là nước sạch là nước sử dụng được, như là nước uống, nước tắm rửa ...

Nếu đại tiện hoặc khắc nhỏ trong nước không sử dụng được, như nước bùn, nước hôi, nước dơ ... Thì không phạm tội; hoặc giả là đại tiểu tiện, khắc nhỏ trên chỗ đất khô nhưng chảy xuống nước, như thế cũng không phạm tội.

Cả 3 điều Ưng học pháp sau này được gọi là những điều linh tinh (*pakiṇṇaka*).

Ba điều này, nếu vị Sa-di để đuôi có ý phạm cũng bị tội hành phạt (*daṇḍakamma*).

75 Điều học trên đây gọi là Ưng học pháp (*Sekhiyadhamma*), là điều luật mà vị Sa-di phải nên học và hành theo như chư Tỷ-khuru, chẳng nên để đuôi bỏ qua vì là pháp tác thành uy nghi tế hạnh.

DỨT BẢY MƯƠI LĂM ƯNG HỌC PHÁP

-ooOoo-

II.3. CÁC PHÁP HÀNH (*KICCAVATTA*).

Pháp hành tức là những phận sự phải làm trong đời sống tu hành ngoài sự giữ giới, đây được xem như là những bổn phận.

Gồm có 14 pháp hành như sau :

1- Pháp hành của vị khách Tăng (*āgantukavatta*).

Vị Tỷ-khuru hay Sa-di đi đến nơi chùa khác có việc, khi đến phải hành theo luật phận sự của vị khách Tăng như sau:

Nếu che dù phải xếp lại khi bước vào cổng. Nếu mang dép giày phải bỏ ra xách tay.

Mặc lại y, khoác chừa vai phải.

Phải đi vào thông thả, đến trước tiên là chỗ các vị Tăng đang có mặt.

Đến nơi, để bát xuống rồi ngồi chỗ hợp lẽ.

Nếu cần nước uống, nước rửa thì hỏi xin.

Nếu đi chân dơ thì nên rửa chân rồi mượn giẻ lau khô, xong phải đem phơi giẻ ở chỗ thích hợp.

Nếu có vị tu sĩ cao hạ hơn mình thì nên đánh lễ vị ấy; nếu mình là Sa-di thì phải đánh lễ các Tỳ-khuru.

Khi hỏi chuyện, phải hỏi thăm chỗ ở, chỗ đi khát thực, nơi gần, nơi xa, nơi nên đi, nơi không nên đi.

Hỏi cho biết tình hình chư Tăng tại đó, vị phạm, vị thánh, vị nào cao hạ, vị nào thấp hạ ...

Hỏi chỗ nhà xí, nhà tắm nơi nào.

Hỏi giờ giấc ra vào chùa theo nội quy bốn tự.

Nếu muốn ở lại, hỏi thăm cốc liêu trống rồi đi đến đó, gõ cửa chờ một lát rồi mới vào, nên xem xét chung quanh liêu cốc ngừa có tai hại.

Đó là pháp hành của vị khách Tăng.

2- Pháp hành của vị trụ xứ (*āvāsikavatta*):

Vị Tỳ-khuru hay Sa-di là người ở tại chùa có những phận sự phải hành như sau:

Phải luôn luôn chuẩn bị nước uống, nước rửa, nước tắm, khăn lau . . . dành cho các vị khách Tăng nếu đến có dùng.

Khi có vị khách Tăng đến chùa, giới phẩm cao hơn, thì mình phải ra đón rước y bát, thỉnh vào, trải lót chỗ ngồi cho vị ấy, vị khách ngồi yên rồi mình đánh lễ.

Nên chỉ chỗ nhà xí, phòng tắm, phòng nghỉ cho vị ấy biết.

Nên chỉ đường đi khát thực, chỗ thích hợp, chỗ đi không thích hợp.

Trình giờ giấc sinh hoạt qui định trong chùa.

Phải xem chừng vị ấy uống nước, nếu thấy uống hết thì mang thêm ra.

Nếu vị trưởng lão khách Tăng mệt thì hầu quạt, như vị ấy không cho thì thôi.

Trường hợp có vị trưởng lão khách Tăng đến, dù mình đang bận việc như may y, quét chùa cũng phải ngưng lại để đón tiếp, nếu khách Tăng cho phép tiếp tục công việc thì mình làm.

Trường hợp mình đang trị thuốc cho Tỳ-khuru bệnh, nếu ca bệnh nặng thì không nên ngưng lại để tiếp khách tăng, chỉ khi ca bệnh nhẹ mới ngưng tay mà tiếp khách; nếu trưởng lão khách Tăng biết việc cho phép tự nhiên thì mình cứ tiếp tục chăm sóc bệnh nhân.

Riêng đối với vị khách Tăng giới phẩm Sa-di hay Tỳ-khuru nhỏ hạ thì không cần tiếp rước hầu hạ, chỉ cần giao tiếp hỏi chuyện, bảo chỗ nhà xí, chỗ tắm rửa, cho nước uống và xếp chỗ nghỉ ngơi, vậy cũng được rồi.

Đó là pháp hành của vị trụ xứ.

3- Pháp hành của vị xuất cốc (*gamikavatta*).

Tỳ-khuru hay Sa-di có việc phải đi khỏi chỗ ở, nên hành các phận sự như sau:

Phải dẹp gọn nội thất giường ghé, chiếu gối xếp lại; giao trả phòng liêu cho một vị Tỳ-khuru hoặc vị Sa-di hay người chức sự quản lý trong chùa, hay một cư sĩ nào cũng được.

Nếu không có ai để gởi giao, thì nên kê cao giường rời chồng ghé lên, chiếu gối xếp đặt lên ghé, đóng kính các cửa sổ cửa cái rời mới ra đi.

Nếu cốc liêu lợp lá bị dột thì phải lợp chèn lại cho khỏi ướt mùng chiếu trên giường; không lợp chèn được thì nên chọn vị trí tốt không dột mà kê giường ghé lại và để mùng chiếu gối. Bằng như cốc liêu bị dột khắp thì phải tìm vật gì để đập lên chỗ mùng chiếu gối; nếu gởi được trong xóm các vật dụng thì nên gởi trước khi ra đi.

Đó là pháp hành của vị xuất cốc.

4- Pháp hành của vị phúc chúc trai tăng (*anumodanāvatta*).

Trong buổi cúng dường trai tăng, Đức Phật cho phép chư Tăng đọc kinh phúc chúc đến thí chủ. Vị trưởng lão dẫn kinh trước, lần lượt các vị xướng theo.

Hoặc vị trưởng lão bảo vị nhỏ đọc kinh phúc chúc cũng được và các vị khác ngồi chờ. Hoặc thí chủ muốn thỉnh vị nào, vị ấy hãy đọc kinh.

Nếu các vị trưởng lão không muốn chờ vị kia đọc kinh xong thì bước ra trước cũng được.

Nếu thí chủ có thỉnh thuyết pháp, vị trưởng lão sẽ thuyết và các vị khác ngồi lại chờ; vị trưởng lão cho phép tất cả đi về trước, cũng nên ở lại vài vị.

Nếu thí chủ thỉnh vị nào thuyết theo ý họ, thì vị nhỏ hạ đó phải bạch trình các vị trưởng lão biết rồi mới nên thuyết pháp.

Về phần các vị khác ngồi chờ, nếu có muốn đi giải bên ngoài phải báo với vị ngồi gần mình mới nên đi ra.

Đó là pháp hành của vị phúc chúc trai tăng.

5- Pháp hành của vị đến nhà ăn (*bhattagga-vatta*).

Khi có thí chủ mời đi dự trai tăng, vị Tỳ-khuru hay Sa-di phải có pháp hành như sau:

Lúc đi phải mang y bát chỉnh tề, quần y kín mình theo Ứng học pháp.

Bước đi nghiêm trang thong thả; nếu có nhiều vị cùng đi, phải thứ lớp hạ lạp chẳng nên vượt đi trước vị lớn.

Lúc vào nơi trai tăng, phải ngồi cho phải phép, ngồi đúng vị trí, tức là không ngồi bó gối hoặc chống tay, không ngồi quá gần đưng vị trưởng lão hoặc ngồi ngang hàng; nếu chỗ chật hẹp vị trưởng lão nói cho phép ngồi hoặc xin phép trước rồi ngồi thì không lỗi.

Nếu là Tỳ-khuru có mang theo y tăng-già-lê thì không nên ngồi trên y ấy.

Khi thí chủ dâng nước rửa bát, rửa mặt thì nhận lấy mà rửa, rửa phải khéo léo nhẹ nhàng không để khua động hoặc văng nước trúng vị khác; đổ nước cũng vậy, nên đổ vào chỗ chứa không nên làm tung tóe bầy ướn.

Khi thọ lãnh vật thực, nên nhận cơm và thức ăn vừa phải thôi; cơm hai phần, thức ăn một phần; không nhận vun tràn miệng bát.

Khi thí chủ phân phối vật thực chưa đủ đến hết các vị sư, thì vị cả chưa nên vội ăn.

Khi thọ thực trong nơi có thí chủ thì phải ăn trang nghiêm thong thả, theo đúng luật Ứng học pháp.

Khi ăn xong vị cả không nên lãnh nước uống nước rửa trong khi các vị khác còn ăn.

Tay bản không nên cầm lấy đồ đựng nước.

Khi ra khỏi nhà ăn phải tuần tự đi ra, nếu chỗ hẹp thì vị nào ngồi gần lối ra sẽ ra trước, không câu nệ tôn ti; nếu nơi rộng rãi thì nhường vị trưởng lão ra trước.

Khi ra ngoài rồi thì chờ đợi thứ lớp hạ lạp mà đi về chùa, đi giữ khoảng cách không xa không gần nhau, có thể người nào đó đi cắt ngang qua được.

Đó là pháp hành của vị đến nhà ăn.

6- Pháp hành của vị đi khát thực (*piṇḍacāri-kavatta*).

Tỳ-khuru hay Sa-di sống với hạnh khát thực, phải hành theo các phận sự như sau:

Lúc đi vào xóm để khát thực phải mặc y kín mình, mang theo bình bát, đi đứng chậm rãi, giữ tư cách nghiêm trang theo luật ung-học-pháp.

Nếu cùng đi khát thực nhiều vị thì phải đi ngay hàng thẳng lối, không nên vội vã chen lấn nhau.

Khi đến xóm nhà rồi phải dự tính trước rằng sẽ đi vào phía này, phía này .

Không nên đứng quá xa hay quá gần thí chủ cúng dường, không nên nhìn xem mặt thí chủ, chỉ nên nhìn xuống thấp phía trước thôi.

Lúc đi ngang qua cửa nhà cư sĩ, để ý biết thấy họ sẵn lòng cúng dường thì đứng lại chờ, hoặc họ thỉnh dừng lại thì đứng lại.

Khi thí chủ cúng dường, thì tay trái đỡ bát, tay mặt vén y và mở nắp bát để nhận vật thực. Nhận xong đập nắp bát lại, thả y phủ xuống và xoay mình đi tới, đi tề chỉnh khoan thai.

Trường hợp khát thực rồi trở về chùa ăn, vị nào đi về trước phải lo nước uống, nước rửa, giẻ lau chân để sẵn, phải trải lót chỗ ngồi trong nhà ăn; các vị đã về đủ thì hợp mặt nhau ăn, ăn xong còn tàn thực phải đổ bỏ nơi không có côn trùng, rồi quét dọn lại nhà ăn cho sạch, rửa bát sạch đem hóng nắng; bát vừa khô ráo thì mang vào cất, nhưng không nên để bình bát nơi chỗ cao . . .

Đó là pháp hành của vị khát thực.

7- Pháp hành của vị ẩn cư trong rừng (*āraññikavatta*).

Vị ẩn cư trong rừng phải thực hành những phận sự như sau:

Luôn luôn dự trữ nước để uống để rửa, nếu không có lu hủ chứa thì lấy ống tre đựng nước.

Phải tích lửa để ngừa đêm hôm hữu sự, nếu có đồ bật lửa thì không cần nhen nhóm lửa liên tục. Nếu có bạn đồng cư ở gần nhau thì không cần lửa cũng được.

Ở rừng phải có gậy trong tay để dò đường, để dọa đuổi thú nguy hiểm.

Đến buổi đi khát thực, phải chuẩn bị sớm, đóng cửa nẻo am thất rồi mang y và bát đi vào làng.

Trong rừng vắng vẻ, được phép mặt y vai trái cho đến khi gần tới ranh làng thì mặt y kín mình, nếu có mang dép phải bỏ ra và dấu kín một nơi để lúc về mang lại.

Khát thực xong, nếu thấy ở xóm có nước thì nên thọ thực trong xóm rồi rửa sạch bình bát, sau đó theo lối cũ đi về rừng. Qua khỏi xóm đến chỗ rừng vắng vẻ, mặt lại y vai trái, mang dép, cầm gậy mà đi.

Đó là pháp hành của vị ẩn cư trong rừng.

8- Pháp hành của vị ngụ trong liêu thất (*senāsanavatta*).

Tỳ-khuru hay Sa-di ở trong liêu thất của mình phải hành phạm sự như sau:

Phải thường xuyên quét dọn liêu thất cho sạch sẽ. Khi quét phải lấy y bát, tọa cụ để có nơi; giường chiếu mang ra ngoài trước khi quét.

Phải quét phần trên trước rồi dần dần xuống vách và cuối cùng tới quét nền. Cửa và vách sơn phết thì phải lau rửa cho sạch khô.

Rác quét thì phải đổ có chỗ; không nên đập quét bụi bay làm phiền vị khác, hoặc bụi bay gần nước uống, nước xài .

Trong liêu thất, giường, ghế, chiếu, gối, tọa cụ, thậm chí là giẻ lau chân, nếu bị dơ hay mốc meo, phải giặt rửa phơi nắng.

Y bát cất cho gọn gàng ngăn nắp.

Phải biết mở đóng cửa tùy mùa tiết khí hậu.

Sân chung quanh liêu thất phải quét rác sạch sẽ.

Tịnh thất có phòng vệ sinh, phải quét rửa sạch và trữ nước xài đầy đủ.

Nơi tịnh thất rộng, ở chung với vị khác nhất là vị trưởng lão, khi mình muốn làm gì chẳng hạn tụng đọc kinh, nói kinh hoặc mở cửa sổ, hay quét dọn ... phải xin phép vị ấy mới nên làm, chỉ thưa qua một lần đầu thôi về sau tự ý làm cũng được.

Đó là pháp hành của vị ngụ trong liêu thất.

9- Pháp hành ở nơi nhà bếp (*jantaghara-vatta*):

Nhà bếp là nơi trữ lửa cũ để nấu nước nóng, hoặc nấu cháo khi hữu sự bệnh hoạn ...

Trong bếp không nên đốt lửa với củi đun quá nhiều e gây hỏa hoạn.

Có tro bếp nhiều phải hốt đổ bớt.

Nhà bếp dơ bẩn phải quét dọn sạch sẽ.

Nước dùng trong nhà bếp phải mức chứa đầy.

Trong nhà bếp có phòng tắm, khi tắm phải chờ vị trưởng lão tắm trước, nếu cùng lúc gặp.

Nếu vị trưởng lão già yếu cần có người phục vụ thì mình nên làm giúp, pha nước nóng, kì cọ, đấm bóp ...

Thời tiết lạnh, có bệnh, được phép vào bếp hơ lửa; có vị trưởng lão ở đó thì không nên ngồi đụng lấn vị trưởng lão; khi ra khỏi không nên ra trước vị trưởng lão, phải ở lại sau thu dọn sạch sẽ nhà bếp và tắt lửa rồi mới nên đi ra.

Đó là pháp hành trong nhà bếp.

10- Pháp hành nơi nhà xí (*vaccakuṭivatta*):

Nhà xí là chỗ để phóng uế; luật dạy phải hành các nguyên tắc vệ sinh và thể hiện phong cách đứng đắn.

Ở nơi trú xứ có nhà vệ sinh phải có nguyên tắc như sau:

Phải thường quét dọn dội rửa cho sạch sẽ, có giấy rác trong giỏ đựng thì đem đổ bỏ.

Phải múc nước chứa hồ nhà xí, dùng để rửa ráy khi đi vệ sinh xong.

Khi đến nhà xí, nếu cửa đóng thì phải đánh tiếng (tăng hăng, ho v.v.). Người ngồi trong cũng tăng hăng trả lời.

Vào nhà xí không nên câu chấp tôn ti, vị nào đến trước thì vào trước, đến sau thì chờ vào sau.

Trước khi vào bên trong thì phải máng y vai trái và y tăng-già-lê ở ngoài.

Không nên vén y nội lên trước khi vào nhà xí.

Lúc đại tiện tiểu tiện không nên rặn lớn tiếng.

Không nên xỉa răng trong nhà xí.

Không nên đại tiểu tiện, khạc nhổ ngoài lỗ xí.

Sau khi đại tiểu tiện xong phải rửa nước cho sạch mới nên mặt y lại; nếu không có nước hoặc không có gáo múc nước để rửa thì dùng giấy, lá khô hoặc mảnh cây mà chùi, nhưng không nên bỏ giấy chùi vào lỗ xí, phải bỏ trong giỏ đựng bên cạnh để đem đổ. Không nên dùng giấy dơ, lá hoặc cây mục; mảnh cây nhọn, có gai mà chùi.

Nếu rửa nước thì phải úp gáo múc sau khi dùng xong, không nên để thừa chút ít nước trong đồ múc.

Khi đi giải xong đứng dậy mặt y nội tề chỉnh và thông thả bước ra, không nên vội vã.

Nói về chỗ không có nhà xí che dùm, thì sau khi đi giải xong phải múc nước hoặc lấy lá, vỏ cây rồi tìm chỗ kín đáo rồi chùi rửa vệ sinh. Tuy vậy nếu không bức bách vội thì nên tìm chỗ kín đáo mà đại tiểu tiện.

Đó là pháp hành ở nơi nhà xí.

11- Pháp hành đối với Thầy Tế-Độ (*upajjhā-yavatta*).

Một vị đệ-tử xuất gia được Thầy Hòa Thượng truyền giới pháp, nếu là Sa-di phải ở cạnh Thầy suốt đời, nếu là Tỳ-khưu thì nương Thầy trên thời gian năm năm. Khi sống cạnh Thầy phải làm tròn bốn phận người đệ-tử đối với Thầy tế-độ như sau:

Sáng sớm thức dậy trước, chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho Thầy. Khi Thầy đã thức, phải đem dâng nước rửa mặt; dọn dẹp xếp gọn đồ đạc và tọa cụ cho Thầy.

Có cháo điểm tâm thì dâng cho Thầy dùng, Thầy dùng xong thì đệ tử dọn dẹp và dâng nước rửa nước uống cùng tâm xĩa răng.

Thầy muốn vào xóm khát thực, phải lấy y bát cho Thầy. Thầy cho đi theo, thì phải mặt y nghiêm chỉnh và theo sau lưng Thầy không quá gần cũng không quá xa, vừa cho thầy kêu nói. Khi bát của Thầy nặng đầy vật thực thì trò phải đổi bát của mình để mang giúp bát cho thầy.

Khi Thầy muốn thọ thực, phải dâng nước trước rồi mới dâng thức ăn và ngồi xem chừng để dâng hầu Thầy món ăn thiếu; Thầy ăn xong, mình thu dọn chỗ ngồi và dọn rửa bát; khi rửa bát, nên dùng nước rửa sạch, lau khô, đem phơi nắng một lát mới nên cất vào và cẩn thận đừng để khua bể.

Khi Thầy đi đâu về (dù trò có đi theo cũng phải về trước) sắp đặt chỗ ngồi cho Thầy, đem đến nước rửa mặt rửa chân, rước lấy y và bát của Thầy, đem y khác sạch và khô cho Thầy thay đổi, rồi lấy y có mồ hôi đó ra hóng nắng cho khô xong xếp cất.

Khi Thầy muốn tắm, trò phải chuẩn bị sẵn nước, Thầy cần nước nóng thì đem nước nóng, cần nước lạnh thì đem nước lạnh; Thầy muốn trò kì cọ xoa bóp thì mời thầy ngồi trên ghế rồi xoa bóp trước, xong mới xối nước trên thân và kì cọ. Thầy tắm xong, lấy khăn lau khô cho thầy kể đến dâng y sạch cho Thầy mặc; khi Thầy ra khỏi nhà tắm, trò phải thu dọn sạch và tắm rửa rồi mới đi ra.

Tịnh thất của Thầy dơ bẩn, phải quét dọn sạch sẽ, phải trừ nước rửa chân, giặt lau chân sẵn sàng cho Thầy.

Khi Thầy bệnh, phải phục vụ nuôi dưỡng cho đến khi bình phục không nên bỏ Thầy đơn chiếc. Nếu đã có vị khác ở nuôi Thầy, thì mình khỏi phải nuôi, nhưng phải luôn quan tâm thăm viếng và tìm thuốc trị bệnh cho Thầy.

Khi Thầy đang nói chuyện với vị khác, trò không nên xen vào.

Lúc Thầy có nói hay làm những điều phạm luật phải nhắc khéo chằng nên chỉ trích tranh cãi với Thầy bằng lời vô lễ; chỉ nên hỏi khéo rằng "Bach Ngài, nói vậy hay làm vậy có phạm lỗi chằng?"

Thầy có buồn chán thối thất, trò phải động viên tinh thần hoặc nói kinh pháp cho Thầy nghe hoặc thỉnh Thầy du hành đổi chỗ cho giải buồn.

Thầy phiền giận; phải năn nỉ khuyên lơn hay nhờ vị khác nói hộ.

Thầy theo việc làm tà kiến, phải thức tỉnh Thầy hay nhờ vị khác khuyên giúp.

Thầy phạm tội theo luật, phải lo tính giữ gìn danh dự cho Thầy; Tăng chúng có quả phạt Thầy, trò cũng phải tìm lời an ủi và cố động cho Thầy tiến hóa.

Nhất nhất muốn làm chuyện chi cũng phải xin phép Thầy trước, nếu Thầy cho thì làm bằng không thì thôi. Muốn cho y bát hay vật gì đến vị khác phải xin Thầy cho phép; muốn cạo tóc cho ai cũng phải xin phép Thầy; muốn đi vào xóm có việc hoặc đi khát thực cũng phải xin phép Thầy.

Riêng về việc tu học, nếu Thầy dốt chữ nghĩa *pāli* hay không thông thiên định, trò muốn đi học *pāli*, học thiên định với vị khác thì phải xin phép Thầy cho đi học; nếu Thầy cho thì tốt, nhưng nếu Thầy ngăn cản thì được phép cãi lời, vì để tiến hóa lợi ích.

Khi Thầy còn đó, trò không nên đi theo một bên vị nào khác, cũng không nên cho ai theo bên mình.

Không nên xu hướng với vị nghịch lại Thầy mình.

Đó là pháp hành của vị đệ tử đối với Thầy tế độ.

12- Pháp hành của Thầy Tế-độ đối với đệ tử (*saddhivihārikavatta*).

Vị Tỳ-khuru trưởng lão là thầy tế độ của người khác, truyền giới tu cho người khác, người ấy là đệ tử của vị trưởng lão đó; vị trưởng lão này phải đối xử với đệ tử theo pháp hành của vị thầy, như sau:

Phải dạy dỗ pháp học và pháp hành cho đệ tử.

Phải thường quan tâm khuyên bảo nhắc nhở đệ tử trong mọi sinh hoạt.

Phải biết khích lệ sách tấn đệ tử cho tiến hóa trong đạo đức tu hành.

Phải xót thương chia sẻ lợi lộc đến đệ tử.

Đệ tử bị bệnh đau, thầy phải hết lòng chăm sóc lo lắng như cha mẹ đối với con.

Bốn phạm làm thầy tế độ đối với đệ tử chỉ có bấy nhiêu.

13- Pháp hành của môn sinh đối với thầy giáo thọ (*ācariyavatta*).

Thầy giáo thọ là vị thầy mà mình nương tựa để học hỏi kinh, luật, giáo pháp, ngoài vị thầy tế độ.

Khi sống cùng thầy giáo thọ, vị môn sinh cũng phải hầu hạ giáo thọ sư theo bốn phạm như đối với thầy tế độ vậy.

14- Pháp hành của thầy giáo thọ đối với môn sinh (*antevāsikavatta*):

Môn sinh tức là học trò theo học với mình, mặc dù không phải là đệ tử mà mình tiếp độ, nhưng vị thầy giáo thọ cũng nên đối đãi

với môn sinh ấy như là thầy tế độ đối với đệ tử vậy.

Trong 14 pháp hành trên đây, vị Sa-di chỉ phải học hiểu và thực hành 12 pháp thôi ngoại trừ bốn phần làm thầy tế độ và thầy giáo thọ, vì Sa-di chưa có tư cách ấy.

DỨT PHÁP HÀNH.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#)

Xem thêm: [Luật Sa-di \(Bắc tông\)](#), Hòa thượng Thích Trí Quang.

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Giác Giới đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 12-2003)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 20-12-2003

LUẬT NGHI SA-DI
SĀMAṆĒRAVINAYA

TỶ KHUÙ GIÁC GIỚI

DL 1997- PL 2541

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

[02]

CHƯƠNG III

LUẬT HÀNH PHẠT
(DAṆḌAKAMMA)

III.1. ĐIỀU LUẬT PHẠM TỘI HÀNH PHẠT.

Tội hành phạt là tội mà Sa-di đã sai phạm đáng phải bị quở phạt, như bị cấm chỉ giao lưu, bị xách nước, kiếm củi v. v... để cho nhớ tội cải hối.

Nói về các điều luật phạm tội hành phạt của Sa-di có hầu hết các học giới.

Trong 10 điều học (*sikkhāpada*), vị Sa-di do dễ duôi cố ý phạm 5 điều sau, bị phạm tội hành phạt, năm điều ấy là:

1. Ăn vật thực phi thời (*vikālabhogī hoti*).
2. Biểu diễn thưởng thức vũ nhạc (*naccādivi-sūkadassiko hoti*).
3. Trang điểm hương liệu vòng hoa (*mālādi-dhāranādiko hoti*).
4. Sử dụng sàng tọa cao rộng (*uccāsayanā-diko hoti*).
5. Thọ nhận vàng bạc (*jātarūparajatapatiggan -hako hoti*).

Lại nữa, có lời Đức Phật chế định điều luật hành phạt ngoài điều học như sau:

Anujānāmi bhikkhave pañcahaṅgehi saman-nāgatassa sāmaṇerassa daṇḍakammaṃ kātuṃ bhik-khūnaṃ alābhāya parisakkati, bhikkhūnaṃ anat-thāya parisakkati, bhikkhūnaṃ anāvāsāya parisak-kati, bhikkhū akkosati paribhāsati, bhikkhū bhik-khūhi bhedeti, Anujānāmi bhikkhave imehi pañca-haṅgehi samannāgatassa sāmaṇerassa daṇḍakam-maṃ kātun 'ti.

Này chư Tỳ-khuru, Ta chuẩn hành, phạt vị Sa-di nào vi phạm năm điều như sau:

1. Cố tình làm mất lợi lộc cho chư Tỳ-khuru.
2. Cố tình gây bất lợi cho chư Tỳ-khuru.
3. Cố tình làm mất trú xứ cho chư Tỳ-khuru.
4. Chửi mắng phỉ báng các Tỳ-khuru.
5. Gây chia rẽ giữa các Tỳ-khuru.

Lại có lời giải thêm rằng:

Sekhiyavattakkhandhakavattesu aññesu ca suk-kavisatthiādilokavajjasikkhāpadesu ca sāmaṇerehi vattitabbaṃ tattha avattamāno alajjī daṇḍakammā-raho va hoti.

Có điều khác nữa mà vị Sa-di phải chấp hành là Ứng học pháp, phạm sự, và những học giới tội thể thường như là làm di tinh v.v. trong những điều luật đó, Sa-di không tuân thủ, vô liêm sỉ, đáng bị hành phạt.

Như vậy vị Sa-di không hành đúng 75 Ứng học pháp thì bị hành phạt.

Sa-di không làm tròn phạm sự pháp hành, bị hành phạt.

Vị Sa-di phạm những điều luật tội thể thường (*lokavajja*), bị hành phạt.

Luật thể thường tội (*lokavajja*) tức là các điều quấy mà bị đời khiển trách. Trong giới bốn Tỳ-khưu (*pāṭimokkha*), có 49 điều gọi là phạm tội thể thường, các vị Sa-di cũng phải chấp hành luật này theo hạnh Tỳ-khưu. Trong 49 điều ấy, có 45 điều mà Sa-di phạm sẽ phải bị hành phạt; trừ ra 4 điều là :

- Điều học *musāvādā*, nói dối.
- Điều học *surāpana*, uống rượu.
- Điều học *sañciccaṭṭhāna*, sát sanh.
- Điều học *aritttha*, tà kiến.

45 Điều thể thường tội, đáng hành phạt, như sau:

1. *Sañcetanika*, Sa-di cố ý làm xuất tinh.
2. *Kāyasamsagga*, Sa-di nhiễm ái đụng chạm xác thân người nữ.
3. *Duṭṭhullavācā*, Sa-di nhiễm ái nói lời tục tĩu hoa bướm với người nữ.
4. *Attakāmaparicariya*, Sa-di nhiễm ái khích lệ người nữ hầu hạ nhục dục cho mình.
5. *Amūlaka*, Sa-di vì sân giận vô cớ cáo gian vị khác phạm tội nặng.
6. *Aññabhāgiya*, Sa-di vịn cớ nhỏ rồi cáo gian vị khác.
7. *Saṅghabheda*, Sa-di cố chia rẽ tăng.
8. *Bhedānūvattaka*, Sa-di xu hướng người chia rẽ tăng, được khuyên không bỏ.
9. *Dubbacajātika*, Sa-di có tính khó dạy, được khuyên không bỏ.
10. *Kuladūsaka*, Sa-di gây rối gia đình cư sĩ, bị đuổi đi bèn nói xấu tăng.
11. *Cīvaracchindana*, Sa-di đã cho y phục đến vị khác rồi vì sân giận mà đòi lại.

12. *Parinata*, Sa-di biết rõ lợi lộc sẽ dâng đến tăng, bèn nói đoạt về cho riêng mình.
13. *Omasavāda*, Sa-di mắng chửi Tỳ-khuru hay Sa-di khác.
14. *Pesuñña*, Sa-di nói đâm thọc với vị khác.
15. *Duṭṭhullārocana*, Sa-di tiết lộ tội của Tỳ-khuru cho Sa-di khác nghe.
16. *Aññavādaka*, Sa-di có lỗi bị chất vấn, lại nói tráo trở.
17. *Ujjhāpanaka*, Sa-di nói xấu vị khác đang hành mệnh lệnh tăng.
18. *Anupakhajja*, Sa-di lấn chiếm chỗ nằm ngồi của Tỳ-khuru.
19. *Āmisa*, Sa-di rêu rao Tỳ-khuru vì lợi lộc mà thuyết pháp dạy đạo.
20. *Nikaḍḍhana*, Sa-di xô đuổi Tỳ-khuru ra khỏi phòng ở, vì sân giận.
21. *Dutiyapavāraṇā*, Sa-di biết vị khác đã ngưng ăn theo luật mà cố nài ép vị ấy ăn thêm cho phạm tội.
22. *Uyyojana*, Sa-di rủ vị khác cùng đi khất thực, nửa đường tính chuyện bất chánh bèn đuổi vị ấy về.
23. *Paṭhamarahonisajja*, Sa-di nằm ngồi chỗ khuất mắt với một nữ nhân.
24. *Dutiyarahonisajja*, Sa-di nằm ngồi nơi khuất tai với một nữ nhân.
25. *Uyyutta*, Sa-di đi xem diễn binh thao trận.
26. *Āṅgulipatodaka*, Sa-di đùa giỡn thọc léc vị khác.
27. *Hassadhamma*, Sa-di đùa vui giỡn nước.

28. *Anādariya*, Sa-di được dạy dỗ pháp luật lại tỏ ra bất cần.
29. *Bhimsāpana*, Sa-di hù nhát vị khác cho kinh sợ.
30. *Apanidhana*, Sa-di chơi giấu vật dụng của vị khác.
31. *Sappāṇaka*, Sa-di biết rõ nước có côn trùng mà vẫn dùng nước ấy uống hay tắm rửa.
32. *Ukkotana*, Sa-di biết rõ sự tố tụng tăng đã giải quyết đúng luật pháp, mà lại khơi lại nữa.
33. *Dutthullaṭṭicchādāna*, Sa-di đồng lõa che đậy tội lỗi dùm cho vị khác.
34. *Kanthaka*, Sa-di biết rõ vị khác đã bị tăng tẩn xuất vì sai phạm pháp luật, mà vẫn kết nạp tiếp giao cùng sinh hoạt.
35. *Sahadhammika*, Sa-di sái quấy, khi được vị khác nhắc nhở, bèn nói bác bỏ rằng: chờ đi hỏi các vị luật sư đa văn đã.
36. *Vilekhana*, Sa-di biết rõ vị khác đang học pháp luật, bèn nói chế giễu cho vị ấy biếng học.
37. *Mohama*, Sa-di phạm lỗi, khi được nhắc nhở lại giả tuồng như trước nay chưa từng biết điều ấy.
38. *Pahāradāna*, Sa-di tức giận vị khác mà đánh đập.
39. *Talasattika*, Sa-di tức giận đá tay muốn đánh vị khác.
40. *Amūlaka*, Sa-di vô cớ cáo gian Tỳ-khuru phạm tội.
41. *Sañcicca*, Sa-di cố tình gây cho vị khác hoang mang lo lắng, dù chỉ chốc lát.
42. *Upassuti*, Sa-di rình rập nghe lén các vị khác đang tranh cãi, để bắt tin.
43. *Kammaṭṭibāhana*, Sa-di trước đã ưng thuận việc tăng giải quyết, sau lại mọi việc cũ để chỉ trích.

44. *Chandamadatvāpakkamana*, Tăng đang họp mặt để giải quyết vấn đề pháp luật, Sa-di có ngời dưng, đương cuộc bỏ đi ra không xin phép.

45. *Pariṇāmana*, Sa-di biết rõ lợi lộc sẽ dâng đến tăng, lại cố tranh giành lợi lộc ấy cho riêng vị khác.

Cả 45 điều trên đây, sa di sai phạm đều bị tội hành phạt.

III.2. VIỆC HÀNH PHẠT SA-DI SAI PHẠM.

Đức Phật đã ban hành luật xử phạt Sa-di đã sai phạm bằng cách ngăn cấm sinh hoạt (*āvaraṇa-kamma*) trong một thời gian.

Chú giải: hành phạt ngăn cấm sự sinh hoạt.

Gọi là sự sinh hoạt tức là sự đi lại, sự cư ngụ, sự học tập, sự ăn uống ... của Sa-di.

Chỗ mà Sa-di thường lui tới như là chỗ của Thầy Hòa Thượng, chỗ của thầy giáo thọ, chỗ mà Sa-di ngủ nghỉ, khi hành phạt phải ngăn cấm sự đi lại, sự cư ngụ ở các nơi ấy.

Gọi là ngăn cấm, tức là thầy Tỳ-khưu nghiêm cấm vị sa di ấy bằng lời rằng: "Người không được phép lai vãng đến chỗ ấy cho tới khi hành phạt xong", hoặc là: "Người không được phép ở nơi ấy đến khi hành phạt xong." Khi thầy Tỳ-khưu tuyên bố như thế có nghĩa là hành phạt nghiêm cấm sa di.

Các vị A-xà-lê kết tập giáo lý (*dhammasaṅ-gāhakatthera*) đã định đặt phạt sự phải làm trong thời gian hành phạt của sa di, là khiến sa di múc nước, lượm củi, hốt cát hoặc quét rác.

Về sự sinh hoạt học tập của sa di, không nên hành phạt ngăn cấm sinh hoạt đó.

Sự sinh hoạt ăn uống của sa di, cũng không nên hành phạt ngăn cấm không cho ăn hoặc giấu cất y bát của vị sa di với ý rằng bỏ đói sa di này. Vị Tỳ-khưu nào hành động với sa di như thế thì tội tác ác (*dukkata*)

Tỳ-khuru hành phạt sa di phải có tâm từ bi, mong tiếp độ sa di được phạm hạnh tốt đẹp; không nên với tâm ác (*pāpacitta*) làm khổ gây khó khiến sa di đau đớn bất kham mà hoàn tục, như là bắt nằm trên đá nóng, hay dùng vật nặng đè trên mình sa di, hoặc bắt ngâm nước, lặn nước ... những hình thức hành phạt ấy là tàn ác khe khắt, Đức Phật đã khiển trách các Tỳ-khuru phe lục sư rồi.

Riêng đối với sa di nào cứng đầu khó dạy (*dubbacajātiko*), sai phạm nhiều lần, được nhắc nhở, phạt cảnh cáo mà không biết hối lỗi phục thiện, thì Tỳ-khuru có quyền hành phạt ngăn vật thực sa di ấy bằng cách là lấy vật thực hay y bát giữ một nơi rồi dạy rằng: " Sự hành phạt ngươi là phải làm như vậy như vậy, nếu ngươi chấp hành làm xong lúc nào thì ngươi sẽ được nhận lại vật thực hoặc y bát lúc đó."

Về thẩm quyền hành phạt sa di sai phạm, tất nhiên chỉ là Thầy Hòa Thượng (*upajjhāya*) hay thầy giáo thọ (*ācariya*) mà vị sa di đã y chỉ.

Khi có sự hiện diện của Thầy Hòa Thượng hay thầy giáo thọ vị sa di thì những Tỳ-khuru khác trong chùa không có quyền hành phạt sa di này, nếu Tỳ-khuru nào tự ý hành phạt sa di, không thông qua Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư của vị sa di ấy, thì phạm tội tác ác.

Nếu Tỳ-Khuru nào đó thấy sa di phạm lỗi thì nên báo trình lên Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư của sa di ấy để xử. Khi đã trình ba lần rồi mà Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư của sa di vẫn làm ngơ không quan tâm đến, thì vị Tỳ-Khuru ấy có quyền quả phạt sa di sai phạm.

Mặt khác, một vị Tỳ-Khuru nào đó được sự ủy thác của Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư rằng: "vị Sa-di này là học trò của con, nếu có phạm lỗi lầm, ngài hãy thay con hành phạt Sa-di ấy." Được ủy thác như thế, Tỳ-khuru ấy hành phạt Sa-di là đúng pháp.

Vị Sa-di khi phạm lỗi đáng bị hành phạt, phải đắp y vai trái đi đến trước Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư hay vị Tỳ-khuru có

thâm quyền. Phát lộ lỗi lầm của mình và xin chịu hành phạt như sau :

"Labheyā' ham bhante daṇḍakammaṃ āyatim saṃvaram āpajjissāmi."

Dutiyampi ... Tatiyampi ..."

(Bạch Ngài, con xin chịu hành phạt, con sẽ thu thúc về sau. Lần thứ nhì. Lần thứ ba.)

Vị thầy có lời quở trách rồi tuyên bố hình thức phạt vị Sa-di ấy. Vị Sa-di lui ra và thi hành hình thức phạt.

Sau khi đã thi hành hình phạt xong, vị Sa-di trở lại trước Thầy Tỳ-Khuru và đánh lễ sám hối:

Ukāsa vandāmi bhante sabbaṃ aparādhaṃ khamatha me bhante, mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumoditabbaṃ, sāminā kataṃ puññaṃ mayhaṃ dāttabbaṃ. Sādhu sādhu anumodāmi.

Sabbaṃ aparādhaṃ khamatha me bhante.

Ukāsa dvāratayena kataṃ sabbaṃ aparādhaṃ khamatha me bhante.

Vandāmi bhante sabbaṃ aparādhaṃ khama-tha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumoditabbaṃ sāminā kataṃ puññaṃ mayhaṃ dāttabbaṃ sādhu sādhu anumodāmi.

Nghĩa: con xin thành kính đánh lễ Ngài. Cúi xin Ngài hãy tha thứ mọi lỗi lầm cho con, phước báu con đã làm xin Ngài tùy hỷ. Phước báu Ngài đã tạo hãy cho đến con, thiện thay, thiện thay, con xin tùy hỷ. Bạch Ngài, xin xá mọi lỗi lầm cho con; Bạch Ngài, mọi tội lỗi do tam nghiệp của con đã làm, xin Ngài xá cho ...

Khi đó, Thầy Tỳ Khuru nên hoan hỷ cho Sa-di bằng lời: *Sādhu! Sādhu! Sādhu.*

Sau khi thọ hành phạt xong như thế rồi, vị Sa-di được trở lại trong sạch bình thường.

DỨT CHƯƠNG LUẬT HÀNH PHẠT.

-ooOoo-

CHƯƠNG IV

LUẬT TRỤC XUẤT (NĀSANANĠA)

IV.1. ĐIỀU LUẬT PHẠM TỘI TRỤC XUẤT.

Tội trục xuất là điều luật mà vị Sa-di sai phạm sẽ bị truất khỏi phẩm mạo Sa-di, buộc hoàn tục thành người thế tục.

Đức Thế-Tôn đã chế định điều luật này như sau:

*Anujānāmi bhikkhave dasahaṅgehi samannā-gataṃ
sāmaṇeraṃ nāsetuṃ pāṇātipātī hoti adin-nādāyī hoti
abrahmacārī hoti musāvādī hoti majja-pāyī hoti
buddhassa avaṇṇaṃ bhāsati dhammassa avaṇṇaṃ bhāsati
saṅghassa avannaṃ bhāsati mic-chādiṭṭhiko hoti
bhikkhuṇḍūsako hoti. Anujānāmi bhikkhave imehi
dasahaṅgehi samanāgataṃ sāmaṇe-raṃ nāsetuṃ' ti.*

Này chư Tỳ-Khuru, ta chuẩn hành luật trục xuất vị Sa-di vi phạm theo mười điều là:

1. Sa-di sát sanh.
2. Sa-di trộm cắp.
3. Sa-di hành dâm.
4. Sa-di nói dối.
5. Sa-di uống chất say.
6. Sa-di phỉ báng Phật.
7. Sa-di phỉ báng Pháp.
8. Sa-di phỉ báng Tăng.
9. Sa-di tà kiến.
10. Sa-di hãm hiếp Tỳ-khuru ni.

Này chư Tỳ Khuru, ta chuẩn hành trục xuất vị Sa-di vi phạm theo mười điều này.

Điều luật tội trục xuất của Sa-di có mười điều.

Vị Sa-di phạm một trong mười điều trên đây sẽ làm mất phẩm mạo, không còn qui giới, không có Thầy Hòa Thượng nữa, mọi quyền thừa hưởng lợi lộc của tăng cũng dứt.

IV.2. VIỆC XỬ TRỤC XUẤT SA-DI SAI PHẠM.

Việc xử trục xuất Sa-di sai phạm, phân ra có bốn trường hợp, mỗi trường hợp có cách xử lý khác nhau; Bốn trường hợp như sau:

- a. Sa-di phạm điều học (*sikkhāpada*) trọng tội, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu.
- b. Sa-di phi báng tam bảo (*avaṇṇam*)
- c. Sa-di có tà kiến (*micchādiṭṭhi*)
- d. Sa-di hãm hiếp Tỳ-khuru ni (*dūsako*)

*** Sa-di phạm một trong năm điều học: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống chất say.**

Sa-di phạm trong năm điều giới này lập tức phá hỏng qui giới, không còn là phạm hạnh Sa-di nữa, dù còn mặc giáo phục cũng không có giá trị nữa.

Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư phải buộc vị ấy hoàn tục. Nếu Sa-di ấy cứng đầu không tuân lời, phải bố cáo đến tăng để trục xuất bằng tăng lệnh.

Nếu vị ấy ăn năn hối lỗi, còn muốn xuất gia nữa, thì Thầy Hòa Thượng có thể cho tu lại, truyền qui giới và cho phép làm lễ bái sư như buổi đầu.

Đối với Sa-di sai phạm giới luật nhưng tâm lý tu tập, tâm lý xuất gia chưa dứt thì không cần truất bỏ giáo phục, chỉ phải cho phát lộ tội lỗi rồi thọ qui giới lại, cũng gọi là thanh tịnh; tuy vậy cũng phải làm lễ bái sư, vì ngay từ khi phạm giới đã bị mất Thầy Hòa Thượng rồi .

Lễ thọ tam qui (*tisaraṇagamana*) đối với Sa-di rất quan trọng, thành tựu tam qui lúc nào thì giới cũng thành tựu lúc ấy, tương tự như khi thành tựu tứ tác bạch tuyên ngôn (*ñatticatutthakammavācā*) thì đã thành tựu cụ túc giới (*upasampadā*) vậy. Do đó phải trọng tâm, sáng suốt và đọc *pāli* chính xác lúc truyền và thọ tam quy trong lễ tu Sa-di.

*** Sa-di phỉ báng Tam Bảo: xuyên tạc Đức Phật, xuyên tạc Giáo pháp, xuyên tạc Tăng chúng.**

Sa-di loạn ngôn phỉ báng Đức Phật, phỉ báng Giáo pháp, phỉ báng Tăng chúng, Thầy Hòa Thượng, Thầy Giáo Thọ của Sa-di ấy phải khuyên nhắc đôi ba lần như sau: "Này Sa-di, người không nên phỉ báng Phật Pháp Tăng người làm như vậy là phạm tội lỗi nặng nề, sự phỉ báng Phật Pháp Tăng sẽ khiến cho người bất hạnh đau khổ lâu dài; người hãy chừa bỏ, đừng nói như thế nữa." Khi được nhắc nhở như thế nếu Sa-di ấy biết lỗi, bỏ hành động quấy thì tốt, nhưng cũng phải hành phạt (*daṇḍakamma*) Sa-di ấy, và phải làm cho sám hối tội lỗi giữa Tăng, như sau:

*Accayo maṃ bhante accagamā yathābālaṃ yathamūlhaṃ
yathā akusalaṃ yo' haṃ bhante evaṃ abhāsiṃ tassa me
accayaṃ accayato paṭiggaṇhātha āyatim saṃvareyyāmi.*

Nghĩa: Bạch quý Ngài, vì con ngu si, lầm lạc, bất thiện, con đã vi phạm một tội lỗi. Con đã phát ngôn như vậy, xin quý Ngài hãy chấp nhận lỗi lầm của con như một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai.

Khi Sa-di sám hối xong, phải cho thọ tam qui và giới lại vì đã phạm điều trục xuất.

Trường hợp Sa-di phạm tội phỉ báng tam Bảo, đã được khuyên nhắc ba lần mà không biết nhận lỗi thì phải hợp Tăng để bố cáo trục xuất (*nissāraṇā-palokanakamma*), như sau:

*Saṅghaṃ bhante pucchāmi ayaṃ itthannāmo sāmaṇero
buddhassa dhammassa saṅghassa avaṇṇa-vādī yaṃ aññe
sāmaṇerā labhanti dvirattatirattaṃ bhikkhūhi saddhim
sahaseyyaṃ tassā alābhāya nissāraṇā ruccati saṅghassa,*

*Dutiyampi bhante saṅghaṃ ... như trên .
Tatīyampi bhante saṅghaṃ ... như trên ... ruccati
saṅghassa. Cara pi re vinassa.*

Nghĩa: Bạch Chư Tăng, tôi xin báo cáo đến Tăng rằng Sa-di tên này là kẻ phi báng Đức Phật, phi báng Pháp, phi báng Tăng. Quyền lợi mà các Sa-di khác có như được đồng cư với chư Tỳ Khuru hai ba đêm, thì đối với sa di này Tăng có bằng lòng tước mất quyền lợi ấy không?

Lần thứ nhì ... Như trên ...

Lần thứ ba ... Như trên ... này kẻ tội lỗi hãy đi khỏi! Hãy bỏ phẩm mạo!.

Vị Sa-di ấy bị Tăng trục xuất rồi, về sau nếu thấy lỗi lầm, xóa bỏ điều quấy, muốn tu trở lại, thì phải họp Tăng lại để biểu quyết ý kiến, nên cho đương sự sám hối Tăng như vậy:

*Ahaṃ bhante bālatāya aññānatāya alakkhika-tāya evaṃ
akāsīṃ svāhaṃ saṅghaṃ khamāpemi.*

Nghĩa: Bạch quý ngài, con vì ngu si thiếu trí, bất hảo nên đã sai phạm như vậy, con cúi xin Tăng tha thứ cho.

Tiếp đến phải báo cáo Tăng để thu nhận (*osa-
raṇāpalokanakamma*), như sau :

*Saṅghaṃ bhante pucchāmi ayaṃ itthannāmo sāmaṇero
buddhassa dhammassa saṅghassa avaṇṇa-vādī. Yaṃ aññe
sāmaṇerā labhanti dvirattatirattaṃ bhikkhūhi saddhiṃ
sahaseyyaṃ tassā alābhāya nis-sārīto svāyaṃ idāni
sorato virato nivātavutti lajji-dhammaṃ okkanto hiri-
ottappe patiṭṭhito katadaṇḍa-kamma accayaṃ deseti
imassa sāmaṇerassa yathā pure
kāyasambhogasāmaggīdānaṃ ruccati saṅghassa.*

*Dutiyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe ...
Tatīyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe ...*

Nghĩa: Bạch chư Tăng, tôi xin báo cáo đến Tăng rằng Sa-di tên này là kẻ phi báng Phật Pháp Tăng, y đã bị tước mất quyền lợi mà các Sa-di khác có như được đồng cư với chư Tỳ Khưu hai ba đêm; Nay người này đã hiền thiện, đã khắc phục, đã nhu thuận, đã biết hổ thẹn, đã trú trong tâm quý, đã chịu hành phạt, và phát lộ lầm lỗi, thì đối với Sa-di này Tăng có vui lòng cho hòa hợp nhập chúng như trước chăng?

Lần thứ nhì ... như trên ...

Lần thứ ba ... như trên ...

Sau khi báo cáo như vậy rồi mới cho vị ấy thọ qui giới tu lại.

*** Sa-di có tà kiến.**

Sa-di không phải vì nhầm lẫn mới hiểu sai, mà vì ngoan cố chấp thủ tri kiến sai lệch với chánh pháp ấy gọi là tà kiến.

Sa-di có tà kiến đáng tội trục xuất, tuy nhiên Thầy Hòa Thượng hay giáo thọ sư của Sa-di ấy phải giải bày khuyên nhắc cho thấy tội lỗi và dứt bỏ tà kiến. Nếu Sa-di được khuyên dạy, Sa-di ấy biết lỗi lầm và xóa bỏ tà kiến thì chỉ cho hành phạt (*daṇḍakamma*) rồi cho sám hối giữa Tăng như sau:

*Accayo maṃ bhante accagamā yathābālaṃ ya-thāmulhaṃ
yathā akusalam yo' haṃ bhante evaṃ diṭṭhiko ahoṣiṃ
tassa me accayaṃ accayato patig-ganhātha āyatim
samvareyyāmi.*

Nghĩa: Bạch quý Ngài, con đã vi phạm một tội lỗi, vì ngu si lầm lạc bất thiện nên con đã có tà kiến như vậy, xin quý Ngài hãy chấp nhận cho con một lỗi lầm đã sai phạm, để con ngăn ngừa trong tương lai.

Sa-di chịu hành phạt và sám hối như thế rồi chỉ cần truyền qui giới lại cho thanh tịnh là đủ, khỏi phải buộc hoàn tục ra.

Trường hợp Sa-di có tà kiến, đã được nhắc nhở nhiều lần cũng không dứt bỏ tri kiến sai lầm, thì phải họp Tăng để báo cáo trục xuất (*nissāranāpalo-kanakamma*); lời báo cáo trục xuất trong

trường hợp này, văn tự cũng giống như vụ Sa-di phi báng tam bảo vậy, chỉ đổi tên tội:

Saṅghaṃ bhante pucchāmi, ayaṃ itthannāmo sāmaṇero micchādīṭṭhiko. Yaṃ aññe ... pe ...

*Dutiyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe ...
Tatiyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe .*

Về sau, đương sự hỏi cải sửa chữa lỗi lầm xin được tu lại, thì trước phải cho sám hối giữa Tăng như sau:

Ahaṃ bhante bālatāya aññānatāya alakkhi-katāya evaṃ akāsiṃ svāhaṃ saṅghaṃ khamāpemi. (nghĩa như trước).

Sau đó, cần được bố cáo đến Tăng để thu nhận (*osāraṇāpalokanakamma*), nội dung tương tự *osāraṇāpalokana* trong vụ Sa-di phi báng tam bảo chỉ thay đổi tội danh:

Saṅghaṃ bhante pucchāmi ayaṃ itthannāmo sāmaṇero micchādīṭṭhiko. Yaṃ aññe ... pe ...

*Dutiyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe ...
Tatiyampi bhante saṅghaṃ pucchāmi ... pe*

Khi bố cáo xong, được phép cho người ấy tu lại.

*** Sa-di hām hiếp Tỳ-Khuru Ni.**

Sa-di có hành động quấy nhiễu tình dục đối với Tỳ-Khuru Ni (*bhikkhunī*) thì cần phải xử trục xuất tức khắc.

Tội này nặng nề hơn tội thông dâm bình thường, nghĩa là tội hành dâm bị xử trục xuất rồi sau đó còn có thể tu lại được nếu muốn.

Còn về điều trục xuất thứ mười này thì Sa-di bị trục xuất sẽ mất gốc như người bị đứt lia đầu, sẽ không được phép cho xuất gia lại trong bất cứ trường hợp nào. Đức Thế-Tôn đã chế định ngăn đứt điều đó.

DỨT CHƯƠNG LUẬT TRỰC XUẤT

-ooOoo-

CHƯƠNG V

LUẬT SINH HOẠT (*VATTIKA*)

Thiện Nam tử khi đã xuất gia trong giáo pháp này, bước đầu trú trong phạm mao Sa-di (*sāmaṇera*) cần phải học tập thông thạo các luật nghi để tập sự thực hành, hầu quen lối sống phạm hạnh mai sau dễ dàng trở thành vị Sa-Môn thực thụ, tức là phạm hạnh Tỳ-Khuru (*bhikkhu*).

Ngoài việc thọ trì học giới (*sikkhāpada*), vị Sa-di phải thông hiểu các luật sinh hoạt trong đời sống tu sĩ. Luật sinh hoạt gồm có năm phần:

1. Phép quán tưởng vật dụng (*paccayasan-nissita*).
2. Phép quán tưởng nhật hành (*abhiṇhapac-cavekkhana*).
3. Phép sử dụng y bát (*pattacīvaraparibhoga*).
4. Phép nhập hạ (*vassūpanāyika*).
5. Ngày trai giới (*uposatha*).

V.1. PHÉP QUÁN TƯỞNG VẬT DỤNG (*Pacca-yasannissita*)

Vị xuất gia có bốn món vật dụng (*paccaya*) là:

- 1- Y phục (*cīvarappaccaya*), tức là vải đắp mặc, người cư sĩ thì có áo quần, còn vị xuất gia thì có y ca-sa; hàng Tỳ-khuru thì có tam y: y kép (*saṅghāṭi*), y vai trái (*uttarasāṅga*) và y nội (*antaravāsaka*); hàng Sa-di chỉ có hai y là y vai trái và y nội.
- 2- Vật thực (*pindapātappaccaya*), là các thức ăn để nuôi sống như cơm, bánh ... dùng trong buổi sáng.
- 3- Trú xứ (*senāsanappaccaya*), là chỗ ở, dùng để ẩn tránh mưa, nắng ... như liêu cốc, tịnh thất, túc xá, thậm chí là

bóng cây, hang động ...; còn có nghĩa là sàng tọa tức chỗ nằm chỗ ngồi.

4- Dược phẩm (*gilānappaccaya*), là thuốc dùng trị bệnh dành cho người bệnh, gồm cả những thứ để dưỡng sức như đường, sữa, mật ong, dầu mè...

Vị xuất gia phải thông thuộc cách quán tưởng (*paccavekkhana*) khi dùng đến bốn món vật dụng, thuộc lòng cả *pāli* lẫn ý nghĩa.

Phép quán tưởng vật dụng có 4 cách, quán tưởng 3 thời. Ba thời là trước khi, đang khi và sau khi thọ dụng; bốn cách là quán tưởng nguyên chất (*dhātuppaccavekkhana*), quán tưởng uế tánh (*paṭikū-lappaccavekkhana*), quán tưởng hiện thời (*tamkha-nikappaccavekkhana*), quán tưởng quá thời (*atītappaccavekkhana*).

Vị xuất gia trước khi dùng đến bốn món vật dụng phải quán tưởng 2 cách:

a. Quán tưởng nguyên chất (*dhātuppaccavek-khana*), là quán tưởng cho thấy rằng các món vật dụng chỉ là chất tứ đại hợp thành thôi, chỉ là nguyên tố sắc pháp vô thức thôi. Quán tưởng như sau:

Quán tưởng y phục :

"Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumatta-mevetaṃ yadidaṃ cīvaram tadupabhuñjako ca pug-galo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño" - "Y phục này hẳn chỉ là nguyên chất được tạo thành theo món vật dụng, và người sử dụng món ấy cũng chỉ là nguyên chất, không phải linh hồn, không phải sinh mạng, là tính rỗng không thôi."

Quán tưởng vật thực :

"Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumatta-mevetaṃ yadidaṃ piṇḍapāto tadupabhuñjako ca pug-galo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño"-

"Vật thực này hẳn chỉ là nguyên chất được tạo thành theo món vật dụng, và người sử dụng món ấy cũng chỉ là nguyên chất, không phải linh hồn, không phải sinh mạng, là tính rỗng không thôi".

Quán tưởng trú xứ :

"Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumatta-mevetaṃ yadidaṃ senāsaṇaṃ tadupabhuñjako ca puṅgalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño" - "Trú xứ này hẳn chỉ là nguyên chất được tạo thành theo món vật dụng, và người sử dụng món ấy cũng chỉ là nguyên chất, không phải linh hồn, không phải sinh mạng, là tính rỗng không thôi".

Quán tưởng dược phẩm :

"Yathāpaccayaṃ pavattamānaṃ dhātumatta-mevetaṃ yadidaṃ gilānappaccayabhesajjaparikkhāro tadupabhuñjako ca puṅgalo dhātumattako nissatto nijjīvo suñño" - "Dược phẩm thuốc trị bệnh này hẳn chỉ là nguyên chất được tạo thành theo món vật dụng, và người sử dụng món ấy cũng chỉ là nguyên chất, không phải linh hồn, không phải sinh mạng, là tính rỗng không thôi".

b. Quán tưởng uế tánh (*Paṭikūlappaccavek-khana*), những vật dụng dùng phải quán tưởng cho thấy sự ô trược của chúng và tính bất tịnh của thân này; quán tưởng như sau:

Quán tưởng y phục :

"Sabbāni pan'imāni cīvarāni ajigucchānīyāni imaṃ pūṭikāyaṃ patvā ativiya jigucchānīyāni jāyan-ti." - "Tất cả y phục này không phải là vật đáng gớm, nhưng khi chạm đến thân uế trược này rồi thì trở thành đáng gớm lắm."

Quán tưởng vật thực :

"*Sabbo pan'āyam piṇḍapāto ajigucchanīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchanīyo jāyati.*" - "Tất cả vật thực này không phải là vật đáng gớm ghê, nhưng khi chạm đến thân ứ trước này rồi thì trở thành đáng gớm lắm."

Quán tưởng trú xứ :

"*Sabbāni pan'imāni senāsanāni ajigucchanī-yāni imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchanīyāni jāyanti.*" - "Tất cả trú xứ này không phải là vật đáng gớm ghê, nhưng khi chạm đến thân ứ trước này rồi thì trở thành đáng gớm lắm."

Quán tưởng dược phẩm :

"*Sabbo pan'āyam gilānappaccayabhesajjaparikkhāro ajigucchanīyo imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchanīyo jāyati.*" - "Tất cả dược phẩm thuộc trị bệnh này không phải là vật đáng gớm ghê, nhưng khi chạm đến thân ứ trước này rồi thì trở thành đáng gớm."

c. Quán tưởng hiện thời (*tamkhanikapacca-vekkhana*) là ngay lúc ăn, lúc mặc y, lúc vào ngụ trong liêu phòng, lúc dùng thuốc trị bệnh, quán tưởng cho thấy nhu cầu thiết yếu của vật dụng ấy:

Quán tưởng y phục :

"*Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi yāva-deva sītassa paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya daṃsa-makasavātātapasiriṃsapasamphassānaṃ paṭighātā-ya yāvadeva hirikopīnappaṭicchādanattham*" - "Khéo quán tưởng rằng: ta thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi gió nắng và các loài bò sát, cũng chỉ để che đậy sự lỏa lồ."

Quán tưởng vật thực :

"Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ paṭisevāmi ne-va davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanā-ya yāvadeva imassa kāyassa tṭhitiyā yāpanāya vihiṃsuparatiyā brahmacariyā'nuggahāya iti purānañca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi navañca vedanaṃ na uppā-dessāmi yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsu-vihāro cā'ti." - "Khéo quán tưởng rằng: ta dùng thực phẩm không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để lợi dưỡng, không phải để giỏi nhan sắc, mà chỉ để duy trì thân này cho sống còn tránh khỏi tổn hại, cũng để hỗ trợ phạm hạnh vì rằng ta diệt trừ được cảm thọ cũ và không sanh cảm thọ mới, sinh hoạt của ta sẽ không lỗi lầm và lạc trú."

Quán tưởng trú xứ :

"Paṭisaṅkhā yoniso senāsanam paṭisevāmi yāvadeva sītassa paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya daṃsamakasavātātapasiriṃsapasamphassānam paṭi-ghātāya yāvadeva utuparissayavinodanam paṭisallā-nārāmattham." - "Khéo quán tưởng rằng: ta sử dụng trú xứ chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi gió nắng và loài bò sát, cũng chỉ để giải trừ bực bội do thời tiết, mục đích vui thiên tịnh."

Quán tưởng Được phẩm :

"Paṭisaṅkhā yoniso gilānappaccayabhesajja-parikkhāram paṭisevāmi yāvadeva uppannānam vey-yābādhikānam vedanānam paṭighātāya abyāpajjha-paramatāyā'ti" - "Khéo quán tưởng rằng: ta thọ dụng dược liệu trị bệnh này, chỉ để ngăn chặn các cảm thọ thống khổ đã phát sanh cho đặng sự thoải mái hoàn toàn."

d. Cách quán tưởng quá thời (*atītapaccavek-khana*) Vị xuất gia trong ngày và đêm, sau khi đã thọ dụng y phục, vật thực, trú xứ, thuốc trị bệnh, nếu chưa được quán tưởng thì phải quán tưởng lại bốn món vật dụng ấy, trước khi mặt trời mọc ngày hôm sau.

Quán tưởng y phục :

*"Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ cīvaram
paribhuttaṃ taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya
uñhassa paṭighātāya daṃsamakasavātātapasiriṃsa-
pasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva
hirikopinap-paṭicchādanatthaṃ."* - "Y phục nào ta
đã sử dụng trong ngày nay mà chưa quán tưởng, y
phục ấy chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự
nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi gió
nắng và loài bò sát, cũng chỉ với mục đích che đậy
sự lỏa lồ thôi."

Quán tưởng vật thực :

*"Ajja mayā appaccavekkhitvā yo piṇḍapāto
paribhutto so neva davāya na madāya na
mañḍanāya navibhūsanāya yāvadeva imassa
kāyassa ṭhitiyā yāpanāya vihiṃsuparatiyā
brahmacariyā' nuggahāya iti purānañca vedanaṃ
paṭihañkhāmi navañca veda-naṃ na uppādessāmi
yātrā ca me bhavissati anavaj-jatā ca phāsuvihāro
cā'ti"* - "Vật thực nào mà ta đã dùng trong ngày nay
mà chưa quán tưởng, vật thực ấy dùng không phải
để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để
lợi dưỡng, không phải để giồi nhan sắc, mà chỉ để
duy trì thân này cho sống còn tránh khỏi tổn hại,
cũng để hỗ trợ phạm hạnh vì rằng ta diệt trừ cảm
thọ cũ và không cho sanh cảm thọ khổ mới, sinh
hoạt của ta sẽ không lỗi lầm và lạc trú."

Quán tưởng trú xứ :

"*Ajja mayā appaccavekkhitvā yaṃ senāsanam paribhuttaṃ taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya uñhassa paṭighātāya daṃsamakasavātātapasiriṃsa-pasamphassānaṃ paṭighātāya yāvadeva utuparissa-yavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ.*" - "Trú xú nào ta đã sử dụng trong ngày nay mà chưa quán tưởng, trú xú ấy dùng chỉ để ngăn ngừa sự lạnh, ngăn ngừa sự nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió nắng và loài bò sát, cũng chỉ để giải trừ bực bội của thời tiết, mục đích vui thiền định."

Quán tưởng dược phẩm :

"*Ajja mayā appaccavekkhitvā yo gilānappaccayabhesajjaparikkhāro paribhutto so yāvadeva uppan-nānaṃ veyyābādhikānaṃ vedanānaṃ paṭighātāya abyāpajjhaparamatāyā'ti.*" - "Dược phẩm thuốc trị bệnh nào ta đã dùng trong ngày nay mà chưa quán tưởng, thuốc ấy dùng chỉ để ngăn chặn các cảm thọ thống khổ đã phát sanh, cho đứng sự thoải mái hoàn toàn."

DỨT PHÉP QUÁN TƯỞNG VẬT DỤNG.

V.2. PHÉP QUÁN TƯỞNG NHẬT HÀNH (*abhiñhapaccavekkhana*).

Bậc xuất gia có hai phận sự (*dhura*) tu tập: là pháp học (*ganthadhura*) và pháp hành (*vipassanā-dhura*).

Về pháp học, phải học hỏi thông thuộc giáo lý trong tam tạng (*tipiṭaka*) để có thể hiểu chánh pháp và truyền bá chánh pháp.

Về pháp hành, phải thọ trì giới luật thanh tịnh, thực hành thiền định, phát triển trí tuệ. Cho dù trong thời gian đang thọ trì pháp học cũng phải thực hành rèn luyện tâm và tuệ cho kiên cố niềm tin, tinh tấn, và hướng mục đích phạm hạnh. Bằng cách quán sát, tâm niệm thường hàng ngày (*abhiñhapaccavekkhana*), nhờ đó vị xuất gia mới sống đời phạm hạnh có ý nghĩa và gắn bó với lý tưởng tu tập được.

Về phép quán tưởng nhật hành sơ khởi của bậc xuất gia gồm hai phần:

- a. Quán tưởng qui luật tự nhiên.
- b. Quán tưởng tâm lý phạm hạnh.

A- QUÁN TƯỞNG QUI LUẬT TỰ NHIÊN.

Để tâm ta nhớ biết thực chất của đời sống mà chuẩn bị tư tưởng đối phó nghịch cảnh dễ dàng. Tức là quán tưởng 5 điều như sau:

1. "*Jarādhhammo'mhi jaraṃ anatīto*" - "ta phải già, không thoát khỏi già."
2. "*Byādhidhammo'mhi byādhiṃ anatīto*" - "ta phải bệnh, không thoát khỏi bệnh."
3. "*Maraṇadhammo'mhi maraṇaṃ anatīto*" - "ta phải chết, không thoát khỏi chết."
4. "*Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo*" - "đối với ta phải ly tán phải mất mát mọi vật thương yêu thân ái."
5. "*Kammaṣṣako'mhi kammaḍāyādo kammayo-ni kammabandhu kammappaṭisaraṇo yaṃ kammaṃ karissāmi kalyānaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi*" - "ta là sở hữu chủ nghiệp, thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, bất cứ nghiệp thiện hay ác nào ta làm, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy."

B. QUÁN TƯỞNG TÂM LÝ PHẠM HẠNH.

Để ôn nhắc mục đích tu tập, tự sách tấn tu tập, và cảnh giác trong sinh hoạt hàng ngày. Đức Phật phải dạy bậc xuất gia phải hằng tâm niệm mười điều như sau:

1. *Vevaṇṇayamhi ajjhūpagato*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "ta có tướng mạo khác hơn kẻ thế."
2. *Parappaṭibaddhā me jīvikā*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "sự nuôi mạng của ta bị lệ thuộc nơi kẻ khác."

3. *Āñño me ākappo karaṇīyo*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Hành vi của ta cần phải khác biệt."

4. *Kacci nu kho me attā sīlato na upavadati*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Chính ta không khiển trách về giới hạnh của mình chứ?"

5. *Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū sabrahmacārī sīlato na upavadati*, Bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Các vị đồng phạm hạnh trí thức khi xét đến ta không có khiển trách về giới hạnh chứ?"

6. *Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "đối với ta phải ly tán phải mất mát mọi vật thương yêu thân ái."

7. *Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisarāṇo yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi*, Bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "ta là sở hữu chủ nghiệp, thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, bất cứ nghiệp thiện hay ác nào ta làm, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy."

8. *Kathambhūtassa me rattindivā vītivattanti*, Bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Ngày đêm trôi qua ta đã thế nào rồi?"

9. *Kacci nu kho'haṃ suññāgāre abhiramāmi*, Bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Ta có vui thích chỗ thanh vắng chăng?"

10. *Atthi nu kho me uttarimanussadhammā-lamariyaññāṇadassanaviseso adhigato so'haṃ pacchi-me kāle sabrahmacārīhi puṭṭho na maṅku bhavis-sāmi*, bậc xuất gia nên thường quán tưởng rằng: "Ta có được pháp thượng nhân không? Tri kiến thù thắng tương ứng bậc thánh ta đạt được chưa? đề đến phút cuối, các vị đồng phạm hạnh hỏi đến, ta sẽ không hổ thẹn."

Trên đây là hai phép quán tưởng nhật hành mà bậc xuất gia nên thường tư duy hàng ngày, điều đó sẽ giúp tâm lý tu tập vững mạnh và liên trì. Đức Thế Tôn đã dạy như thế.

DỨT PHÉP QUÁN TƯỞNG NHẬT HÀNH

V.3. PHÉP SỬ DỤNG Y VÀ BÁT (*Pattacīva-raparibhoga*).

Luật dạy rằng: bậc xuất gia, nhất là Tỳ-Khuru, khi được phát sanh y và bát mới phải làm dấu hoại sắc (*dubbaṇṇakaraṇa*) và chú nguyện thành tên vật dụng, mới được phép dùng xài.

Dù là bậc Sa-di cũng nên tập thực hành luật ấy để tâm không dễ duôi cầu thả, cho quen cách sinh hoạt luật nghi hầu sau tu lên bậc trên không ngỡ ngàng.

Phép sử dụng y bát có ba phần:

- a. Làm dấu (*bindukappa*)
- b. Chú nguyện tên (*adhiṭṭhāna*)
- c. Xả tên (*paccuddhara*)

A- Làm dấu, chỉ đối với các thứ y phục thôi, còn như bình bát thì khỏi cần làm dấu. Làm dấu là dùng viết mực xanh, đen hoặc xám rồi điểm vòng tròn nhỏ trên bốn góc chiếc y, vòng nhỏ cỡ bằng mút đũa hoặc mắt gà, không nên vẽ nhỏ quá hay lớn quá hay không thành dấu tròn ...

Khi làm dấu, phải tác ý và nói ra lời như sau:

"*Imaṃ bindukappaṃ karomi*" (Ta làm dấu y này).

B- Chú nguyện tên. Y (*cīvara*) là nói chung các thứ dùng xài bằng vải sợi, mỗi thứ đều có tên gọi riêng, như: y kép (*saṅghāti*), y vai trái (*uttara-saṅga*), y nội (*antaravāsaka*), y tấm mưa (*vassika-sāṭika*), ngựa cù (*paccattharaṇā*), tọa cụ (*nisīdana*), vải băng ghế (*kaṇḍuppaṭṭicchādi*), khăn lau mặt (*mu-khapuñchanacoḷa*), y phụ tùng (*parikkhāracoḷa*) tức là giầy lung (*kāyabandhana*), túi dèm (*thavika*), áo lót (*aṃsaka*) ... đó là các thứ y khi sử dụng phải nguyện đặt tên.

Cách nguyện tên y là chú ý đến chiếc y đang giữ trong tầm tay hoặc để ngoài tầm tay rồi chú nguyện thành tên của chiếc y đó như vậy:

"*Imaṃ uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhāmi*" (Ta nguyện y này là y vai trái). Nếu chiếc y để ngoài tầm tay thì chú nguyện rằng:

"*Etam uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhāmi*" (Ta nguyện y đó là y vai trái).

Trong lời chú nguyện hãy đổi tên cho đúng tùy theo thứ y đang muốn sử dụng. Khi đã nguyện y thành tên rồi, sử dụng không phạm tội.

C- Xả tên y, tức là khi muốn bỏ y cũ để sử dụng y mới, trước khi chú nguyện y mới ấy phải xả y cũ.

Xả y cũ cũng chú ý đến y trong tầm tay hoặc ngoài tầm tay, rồi nghĩ tưởng như sau:

"*Imaṃ uttarasaṅgaṃ paccuddharāmi*" (Ta xả bỏ y vai trái này), hoặc "*Etam uttarasaṅgaṃ pac-cuddharāmi*" (Ta xả bỏ y vai trái đó).

Về cách sử dụng y thì trước tiên phải xả bỏ y cũ (*paccuddhara*), kế đến là làm dấu y mới (*bindu-kappa*), sau cùng là nguyện thành tên cho y mới (*adhiṭṭhāna*).

Về cách sử dụng bình bát (*patta*), luật dạy rằng bình bát không cần làm dấu, chỉ chú nguyện là được; lại nữa bình bát đã cũ muốn đổi xài bát mới, phải xả bỏ, mới được phép chú nguyện bát mới.

Cách chú nguyện bình bát như sau:

"*Imaṃ pattam adhiṭṭhāmi*" (Ta chú nguyện đây là bình bát), hoặc "*Etam pattam adhiṭṭhāmi*" (Ta chú nguyện đó là bình bát).

Cách xả bình bát như sau:

"*Imaṃ pattaṃ paccuddharāmi*" (Ta xả bỏ bình bát này), hay "*Etam pattaṃ paccuddharāmi*" (Ta xả bỏ bình bát đó).

Trên đây là cách sử dụng y và bát, Sa-di cũng có y bát (chỉ ngoại trừ y tăng-già-lê *saṅghāṭi*) nên vì thế cũng phải thông thuộc cách thức nguyện và xả y bát, để tập sống theo luật nghi cho tốt đẹp.

V.4. PHÉP NHẬP HẠ (*Vassūpanāyika*).

Luật dạy, chư Tỳ-Khuru đến mùa mưa, kể từ ngày 16/ 6 âl đến ngày 15/ 9 âl, phải dùng chân du hóa để an cư kiết hạ 3 tháng bắt đầu từ 16/ 9 âl cho đến 15/ 9 âl, hoặc từ 16/ 7 âl đến 15/ 10 âl.

Các Sa-di thường du hành theo chân các vị Tỳ-khuru, nên khi vào thời chư tăng nhập hạ cũng phải từng nhập hạ.

Ngày chuẩn bị nhập hạ, Sa-di phải đến đánh lễ Thầy Hòa Thượng hay thầy giáo thọ để xin chỉ định trú xứ nhập hạ; phải nghe lời chỉ bảo của chư Tỳ-khuru quét dọn sạch sẽ trú xứ, dự trữ nước xài cho đầy đủ ...

Sau đó, phát nguyện nhập hạ theo chư Tỳ-khuru như sau:

"Imasmim ārāme imaṃ temāsaṃ vassaṃ upemi" (Con xin an cư mùa mưa ba tháng này trong chùa đây).

Trong thời gian nhập hạ, nếu hữu sự cần phải đi khỏi chùa vài ngày, Sa-di phải đến bày tỏ xin phép thầy hoặc chư Tỳ-khuru mình nương nhờ, để nguyện hạ ra đi. Các Thầy Tỳ-khuru suy xét thấy việc chính đáng mới cho phép Sa-di đi khỏi chùa. Nhưng vị Sa-di ấy cũng phải nguyện hạ mới nên đi.

Nguyện hạ là tự giới hạn thời gian vắng mặt ở chùa, luật Đức Phật chỉ cho phép thời gian vắng mặt trong lúc nhập hạ là tối đa khoảng bảy ngày tức sáu đêm, vào ngày thứ bảy kể từ khi ra đi, phải có mặt ở chùa trước lúc mặt trời mọc, trễ hạn ấy gọi là dứt hạ.

Cách nguyện hạ như sau: trước khi ra khỏi ranh chùa phải phát nguyện, hoặc tuyên bố với một vị khác, hoặc đối diện kim thân, bảo tháp thờ, cũng được. Nguyện rằng:

"*Sace me antarāyo natthi sattāhabbhantare ahaṃ puna nivattissāmi*" (Nếu không có sự tai hại đến ta, ta sẽ trở về trong khoảng bảy ngày).

Vị Sa-di nếu đã nhập hạ tròn đủ, không bị dứt hạ, thì vẫn được hưởng lợi lộc phát sanh trong mùa dāng y *Kaṭhina* như chư Tỳ-khuru, tuy nhiên chư tăng phải được thông qua bằng cách bố cáo chia lợi lộc đến Sa-di, gọi là *Lābhavibhajanāpalokanakamma*. Nếu như có thí chủ làm phước cúng dường y và vật dụng đến tăng mà thỉnh nguyện rằng chúng con xin dāng đến các vị trong chùa cả Tỳ-khuru lẫn Sa-di; như thế tăng hãy chia đến Sa-di mà không cần họp tăng để bố cáo.

Riêng về vị Sa-di mới tu trong hạ, hoặc nhập hạ kỳ sau (từ 16/ 7 đến 15/ 10 ãl), hoặc bị dứt hạ, đều không được hưởng lợi lộc chi cả; nếu cá nhân thầy Tỳ-khuru cho lợi lộc đến Sa-di vì lòng thương xót cũng được.

V.5. NGÀY TRAI GIỚI (*uposatha*).

Ngày trai giới thường gọi là ngày bố tát, do âm từ phạn ngữ *uposatha*, nghĩa là ngày thanh tịnh tăng. Luật qui định một tháng có hai ngày bố-tát là ngày rằm và ngày cuối tháng (30 ãl hoặc 29 ãl, tùy tháng đủ thiếu).

Đức Phật chuẩn hành luật cho chư Tỳ-khuru phải tụng giới (*pātimokkhuddesa*) trong ngày uposa-tha; nếu nơi chỉ có hội họp hai, ba vị Tỳ-khuru thì vào ngày bố tát không tụng giới cũng phải phát-lò thanh tịnh; nếu ở một mình cũng phải phát lồ nguyện bố tát ...

Về phần Sa-di thì luật không qui định nghi thức, nhưng sau này các bậc A-xà-lê để chế định việc hành cho các Sa-di trong ngày bố tát để Sa-di chúng sinh hoạt khuôn khổ; điều này cũng tạo sự thanh tịnh cho Sa-di, nên mặc nhiên được tăng chúng chấp nhận.

Các Sa-di vào ngày trai giới bỏ-tát phải thọ pháp hành phạt (*daṇḍakamma*) nơi Tỳ-khuru tăng để rửa sạch lỗi lầm, tác tịnh tâm lý dù rằng không phạm lỗi, như thế cũng tốt; cách thọ pháp hành phạt xin xem lại Chương III, Luật hành phạt, Mục 2.

Sau việc thọ hành phạt hãy xin thọ qui giới lại nơi tăng, trước khi chư Tỳ-khuru hành tăng sự bỏ-tát tụng giới bốn. Tăng cử vị Tỳ-khuru nào đó truyền dạy qui giới cho Sa-di rồi mới hành lễ bỏ-tát, cũng như thuở xưa lúc Tỳ-khuru ni chúng còn, chư Tỳ-khuru tăng phải cử vị đi giáo giới Tỳ-khuru ni (*bhikkhunovāda*) trong ngày bỏ-tát trước khi làm lễ phát lồ tụng giới vậy.

DỨT CHƯƠNG LUẬT SINH HOẠT

-ooOoo-

CHƯƠNG VI

NGHI THỨC XUẤT GIA SA-DI (*PABBAJITAVIDHĪ*)

Thiện nam tử muốn xuất gia tu tập trong Phật giáo, trước phải tu giới phẩm Sa-di (*sāmaṇera*) rồi mới tu lên bậc trên thành Tỳ-khuru (*bhikkhu*) sau đó hoặc thời gian khác.

Nghi thức xuất gia Sa-di đã được Đức Phật chuẩn hành từ xưa, có ghi lại trong Luật tạng, bộ Đại phẩm (*mahāvagga*).

Hàng Sa-di chỉ mới bước đầu tập sự theo hạnh sa-môn (*samaṇa*) nên Đức Thế Tôn cho phép thọ trì tam qui và thập giới chừng ấy thôi.

Về nghi thức, trước nhất vị thiện nam tử phải tìm đủ y và bát (hàng Sa-di không cần đủ tam y, chỉ cần y vai trái và y nội). Phải tìm nương vị trưởng lão đức hạnh để bái làm thầy tế độ (*upajjhāya*).

Sau khi được sự chấp nhận cho xuất gia, phải cáo bỏ râu tóc (việc này cần bố cáo cho tăng biết) thiện nam tử, bấy giờ là giới

tử, hãy mang y bát đến trước mặt vị thầy tể độ, đánh lễ vị ấy ba lạy rồi đứng lên chấp tay nghiêm trang và tác bạch rằng:

"Ukāsa vandāmi bhante sabbam aparādham khamatha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāmīnā anumoditabbaṃ sāmīnā kataṃ puññaṃ mayhaṃ dāttabbaṃ sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruṇṇaṃ katvā pabbajjaṃ detha me bhante."

(Nghĩa: Bạch Ngài, con thành kính đánh lễ Ngài. Bạch Ngài, xin hãy xá mọi tội lỗi cho con; phước báo con đã làm xin Ngài tùy hỷ, phước báo Ngài đã tạo hãy cho đến con, lành thay! con xin tùy hỷ. Bạch Ngài, kính xin Ngài hãy vì lòng bi mẫn mà cho con xuất gia).

Rồi ngồi xuống theo thế ngồi chòm hòm, chấp tay lên nói tiếp:

"Ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi; dutiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi; tatiyampi ahaṃ bhante pabbajjaṃ yācāmi".

(Nghĩa: Bạch Ngài, con cầu xin được xuất gia; lần thứ nhì, con cầu xin được xuất gia; lần thứ ba, con cầu xin được xuất gia).

Kế đến giới tử cầm lấy bộ y ca-sa dâng đến tay thầy tể độ và tác bạch như sau:

"Sabbadukkhanissaraṇanibbānasacchikaraṇat-thāya imaṃ kāsāvaṃ gahetvā pabbājetha maṃ bhante anukampaṃ upādāya." (nói ba lần).

(Nghĩa: vì mục đích chứng ngộ níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn mà thu nhận y cà sa này và cho con xuất gia)

Giới tử lại đọc lời này để xin y ca-sa:

"Sabbadukkhanissaraṇanibbānasacchikaraṇat-thāya etaṃ kāsāvaṃ datvā pabbājetha maṃ bhante anukampaṃ upādāya." (nói ba lần).

(Nghĩa: vì mục đích chứng ngộ níp bàn và thoát mọi khổ đau, Bạch Ngài, xin Ngài vì lòng bi mẫn mà cho lại con y ca sa đỏ và cho con xuất gia).

Khi giới tử dứt lời, Thầy Hòa Thượng hãy trao lại y cà sa cho giới tử và dạy sơ lược về cách quán tưởng khi mặc y phục, đồng thời dạy về đề mục niệm thân thể trước như sau; giới tử phải nói theo từng đề mục:

"Kesā, lomā, nakhā, dantā, taco; taco, dantā, nakhā, lomā, kesā".

(Nghĩa: tóc, lông, móng, răng; da, da, răng, móng, lông, tóc).

Xong rồi giới tử lui ra đến chỗ khuất mà thay đổi tướng mạo mặc y cà sa vào nghiêm trang đúng luật, mới trở lại trước mặt Thầy Hòa Thượng đánh lễ Ngài ba lạy, và đứng lên chấp tay tác bạch xin thọ qui giới, như sau:

"Ukāsa vandāmi bhante sabbam aparādham khamatha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāmīnā anumoditabbaṃ sāmīnā kataṃ puññaṃ mayham dātabbaṃ sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruññaṃ katvā tisaraṇena saha sīlāni detha me bhante." (nghĩa như trước, đoạn cuối nghĩa là: Bạch Ngài, xin hãy bi mẫn truyền qui giới cho con).

Đoạn ngồi chồm hóm chấp tay đọc tiếp:

"Ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi, dutiyampi ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi, tatiyampi ahaṃ bhante saraṇasīlaṃ yācāmi".

(Nghĩa: Bạch Ngài, con cầu xin thọ qui giới, lần thứ nhì . . . lần thứ ba. . .)

Thầy Hòa Thượng phán:

"Yam ahaṃ vadāmi taṃ vadehi"

(Ta nói lời nào người hãy nói theo lời ấy).

Giới tử lãnh giáo:

"*Āma bhante*" (xin vâng, bạch Ngài).

Thầy Hòa Thượng niệm Phật và giới tử cũng làm theo:

Namo tassa bhagavato arahato sammāsam-buddhassa
(kính lễ Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri); ba lần.

Tiếp đến, Thầy Hòa Thượng truyền dạy giới tử thọ Tam qui, đọc hai giọng Nam và Bắc phạn:

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Phật).

- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Pháp).

- *Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Tăng).

- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Phật, lần thứ nhì).

- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Pháp, lần thứ nhì).

- *Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Tăng, lần thứ nhì).

- *Tatīyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Phật, lần thứ ba).

- *Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Pháp, lần thứ ba).

- *Tatīyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi* (con thành kính qui y Tăng, lần thứ ba).

Phải đọc lại tam qui một lần nữa bằng giọng Bắc. Phân biệt giữa giọng Nam và giọng Bắc. Giọng Nam phát âm mũi (*nāsikaja*) như "*Buddhaṃ (ṃ) saraṇaṃ (ṃ) gacchāmi*" ... ; còn giọng Bắc là phát âm môi (*oṭṭhaja*) hợp với âm mũi (*nāsikaja*) như

"*buddham (m) saraṇam (m) gacchāmi*" ... vì rằng phạm mạo Sa-di được thành tựu hay không do sau lời tuyên thệ Tam qui (*tisaraṇagamana*), nên phải phát âm cho đúng chuẩn tiếng Phạn.

Sau phần giới tử đã thọ tam qui, Thầy Hòa Thượng nhắc nhở:

"*Tisaraṇaggahaṇaṃ paripuṇṇaṃ*" (phép thọ trì tam qui đã tròn đủ)

Sa-di lãnh giáo: "*Āma bhante*".

Thầy Hòa Thượng tiếp tục truyền thọ thập giới cho Sa-di:

1. *Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng sát sanh).
2. *Adiṇṇādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng trộm cắp).
3. *Abramhmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng hành dâm).
4. *Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng nói dối).
5. *Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng uống rượu để duôi).
6. *Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng ăn phi thời).
7. *Naccagītavāditavisūkadassanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng sự ca nhạc khiêu vũ).
8. *Mālāgandhavilepanadhāraṇamaṇḍanaṇāvibhūsaṇaṭṭhānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng sự trang điểm đeo tràng hoa xức hương liệu).

9. *Uccāsayanamahāsayanā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng chỗ nằm ngồi cao rộng).

10. *Jātarūparajatappaṭiggahanā veramaṇī sik-khāpadam samādiyāmi.* (con thọ trì điều học kiêng thọ nhận vàng bạc châu báu).

Kết luận, đọc ba lần như sau:

"Imāni dasa sikkhāpadāni samādi-yāmi"

(Con xin thọ trì cả mười điều học này).

Sa-di đã được truyền thọ mười giới như vậy rồi, đánh lễ Thầy Hòa Thượng. Tiếp theo đó là làm nghi thức bái sư và xin y chỉ (*nissaya*).

Sa-di đứng lên trước mặt Thầy Hòa Thượng, chấp tay tác bạch như sau:

"Vandāmi bhante sabbaṃ aparādhaṃ khama-tha me bhante mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumoditabbaṃ sāminā kataṃ puññaṃ mayhaṃ dāttabbaṃ sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruiṇṇaṃ katvā nissayaṃ detha me bhante." (Nghĩa: bạch Ngài, con xin đánh lễ Ngài v.v. bạch Ngài, xin Ngài từ bi cho con y chỉ).

Phục xuống ngồi chồm hỏm chấp tay, đọc tiếp:

"Ahaṃ bhante nissayaṃ yācāmi, dutiyampi ahaṃ bhante nissayaṃ yācāmi, tatiyampi ahaṃ bhante nissayaṃ yācāmi".

"Upajjhāyo me bhante hohi".

(Nghĩa: bạch ngài, con cầu xin pháp y chỉ, lần thứ nhì ... lần thứ ba ... Bạch Ngài, xin hãy là Thầy Tế Độ của con".

Vị Hòa Thượng chấp nhận bằng lời:

"*Sādhu!*" (tốt lắm!)

Hoặc *lāhu, paṭirūpaṃ, opāyikaṃ, pāsādikena, sampādehi* ... một tiếng nào cũng được.

Sa-di cúi đầu bái nhận bằng lời:

"*Ukāsa sampatiṅcchāmi. Sampatiṅcchāmi. Sampatiṅcchāmi.*"

(Nghĩa là: thưa, con xin lĩnh hội. con xin lĩnh hội. con xin lĩnh hội.)

vẫn tiếp tục nói:

"*Ajjatagge'dāni thero mayhaṃ bhāro, ahampi therassa bhāro*". (ba lần).

(Nghĩa: kể từ hôm nay trưởng lão là trọng trách của con, phần con cũng là trọng trách của trưởng lão).

Xong, Sa-di đánh lễ thầy ba lạy và ngồi xuống nơi phải lễ để nghe thầy dạy dỗ ... từ đây vị Sa-di này phải làm tròn các bổn phận của vị đệ tử đối với Thầy Tế Độ, phải luôn luôn tinh tấn học tập và trau dồi phẩm hạnh Sa-di nếu trong thời gian chưa được tu lên bậc trên.

DỨT LUẬT NGHI XUẤT GIA SA-DI

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#)

Xem thêm: [Luật Sa-di \(Bắc tông\)](#). Hòa thượng Thích Trí Quang.

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Giác Giới đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 12-2003)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 20-12-2003